



GAO VIAN

Ngọt ngào hương lúa

HỒ SƠ NĂNG LỰC



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Địa chỉ: Số 55, đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Số 14, dãy TT5.1, KĐT Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

 Hotline: 033.609.6789

 Website: gaovian.com.vn



Scan me

NỘI DUNG

- 1 Giấy chứng nhận ĐKKD
- 2 Giấy chứng nhận địa điểm KD
- 3 Giấy chứng nhận CS đủ ĐK ATTP
- 4 Bản tự công bố sản phẩm
- 5 Xét nghiệm sản phẩm định kỳ
- 6 Tập huấn kiến thức VSATTP
- 7 Giấy khám sức khỏe định kỳ
- 8 Hồ sơ đầu vào NCC
 - 8.1. Hợp đồng NCC
 - 8.2. Chứng nhận VS ATTP
 - 8.3. Hợp đồng mua lúa (nếu có)
- 9 Link Công bố sản phẩm trên trang web của Phòng quản lý chất lượng và phát triển thị trường Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội
- 10 Link truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên trang hn.check.net.vn



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0108538065

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 12 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 26 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PA INVESTMENT JOINT STOCK
COMPANY

Tên công ty viết tắt: PA INVESTMENT.,JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

số 55 Đường Cống Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 033.609.6789

Số Fax:

Thư điện tử: *pavietnam19@gmail.com*

Website:

3. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 2.000.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: CAO VIỆT ANH

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *01/04/1993*

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: *001093040987*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 25 tháng 06 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 07 tháng 06 năm 2022

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH- CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Nhà 14, Dãy T5.1, khu đô thị Westpoit Nam 32, Thị Trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: CAO VIỆT ANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/04/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 017219851

Ngày cấp: 19/10/2010

Nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0108538065

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: số 55 Đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



TRƯỞNG PHÒNG

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Hữu Lương

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00002

Đăng ký lần đầu, ngày 24 tháng 09 năm 2025

1. Tên địa điểm kinh doanh: ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ PA - KHO LƯU XÁ

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0336096789

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ, chữ đệm và tên: CAO VIỆT ANH

Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: 01/04/1993

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 001093040987

Địa chỉ liên lạc: *Số 55, đường Công Dậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 0108538065

Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp/chi nhánh: số 55 Đường Công Dậu, thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA**

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: **0108538065-00001**

Địa chỉ/ Address: **Nhà 14, Dãy T5.1, khu đô thị Westpoint Nam 32, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0336 096 789** Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations

for following products:

Sơ chế, đóng gói, kinh doanh gạo./

Số cấp/ Number: **68./ 2025** /NNMT-HAN

Có hiệu lực đến ngày **22 tháng 5 năm 2028**

Valid until (date/mont/year) **22/5/2028**

Và thay thế giấy chứng nhận số: **235/2022/NNPTNT-HAN**, cấp ngày **14/7/2022**.

and replaces The Certificate N^o: **235/2022/NNPTNT-HAN**, issued on **14/7/2022**.

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2025, day/month/year

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đình Hoa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE

OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CHỨNG NHẬN / CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment: **ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH - CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
KHO LƯU XÁ**

Mã số đăng ký kinh doanh/ Registration number: **0108538065 - 00002**

Địa chỉ/ Address: **Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội**

Điện thoại/ Tel: **0336096789** Email:

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations

for following products:

Sơ chế, đóng gói và kinh doanh gạo

Số cấp/ Number: **211 / 2025** /NNMT-HAN

Có hiệu lực đến ngày **21 tháng 10 năm 2028**

Valid until (date/mont/year) **20/10/2028**

Và thay thế giấy chứng nhận số:

and replaces The Certificate N^o:

Hà Nội, ngày **21 tháng 10 năm 2025**, day/month/year

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Tạ Văn Tường

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v xác nhận kiến thức tập huấn ATTP cho người lao động tại công ty

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ 33/VBHN-BNNPTNT ngày 13/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT(nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn việc chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần đầu tư PA;

Căn cứ kết quả thi xác nhận kiến thức An toàn thực phẩm ngày 29/04/2026

Xét đề nghị của Bộ phận Hành chính - Tổng hợp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xác nhận công ty đã tổ chức tập huấn và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho các ông (bà) có tên dưới đây là quản lý và nhân viên trực tiếp sản xuất thực phẩm tại Công ty cụ thể như sau: *(Danh sách chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Giấy xác nhận kiến thức này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và chỉ có giá trị áp dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh nông sản tại công ty.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng sản xuất và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Bộ phận trực thuộc công ty;
- Lưu HC-TH.

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Cao Việt Anh

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN ĐƯỢC XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Nơi cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Cao Việt anh	X		001093040987	28/04/2023	Cục cảnh sát	Giám đốc
2	Đặng Thúy Quỳnh		X	001191004752	04/12/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên kinh doanh
3	Vũ Thị Thảo		X	030191021839	15/02/2023	Cục cảnh sát	Nhân viên kinh doanh
4	Nguyễn Đình Thái	X		001088011913	25/04/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng
5	Nguyễn Trọng Hậu	X		001085049292	24/06/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng
6	Cao Văn Tăng	X		001086014998	05/08/2022	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng
7	Nguyễn Thị Liên		X	001168012259	25/04/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên kho
8	Nguyễn Thanh Loan		X	001192048726	25/06/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên kho



Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của BS chuyên khoa
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên: Cao răng Viêm nha chu		
Hàm dưới:		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại II		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu:		
a) Công thức máu: Số lượng HC: $5,33 \times 10^9/L$		
Số lượng Bạch cầu: $5,89 \times 10^9/L$		
Số lượng Tiểu cầu: $209 \times 10^9/L$		
b) Sinh hóa máu: Đường máu: $5,81 \text{ mmol/L}$		
Ure: $4,19 \text{ mmol/L}$ Creatinin: $74,12 \mu\text{mol/L}$		
AST(GOT): $41,96 \text{ U/L}$ ALT(GPT): $49,42 \text{ U/L}$		
2. Xét nghiệm nước tiểu:		
a) Đường:		
b) Prôtêin: Âm tính		
c) Khác (nếu có): Bạch cầu niệu VET(+), hồng cầu niệu ít		
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):		
Hiện tại hình ảnh X-quang tim phổi bình thường		

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: Loại III đủ sức lao động Tập, công tác
2. Các bệnh, tật (nếu có): Tăng nhẹ men gan, Huyết Cầu Nồng, Bạch Cầu niệu (vết)
- Hai mắt: Cận thị. Bệnh răng miệng. Viêm Cẩn

Kết luận ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN
(Ký ghi rõ họ tên và đóng dấu)
BÁC SĨ CK II
Trần Văn Tuyên

CÔNG TY TNHH BVĐKTN AN SINH - PHÚC TRƯỜNG MINH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA HỒNG NGỌC -
PHÚC TRƯỜNG MINH
Số 260/4A/19/2 GKSK-HNPTM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE (CHO NGƯỜI ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN)



1. Họ và tên (chữ in hoa): CAO VIỆT ANH
2. Giới: Nam ☒ Nữ ☐
3. Ngày tháng năm sinh: 01/04/1993 Tuổi: 33
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001093040987
5. Cấp ngày: 28/04/2023 Tại Cục CS QL KC và TT XH
6. Chỗ ở hiện tại: Số 55 Đường Cộng Dân, thôn Xuân Xá, xã Khe Dừa, TP. Hà Nội
7. Lý do khám sức khỏe: Làm hồ sơ đi làm

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

- a) Không ☒; b) Có ☐; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ).....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỂ LỰC

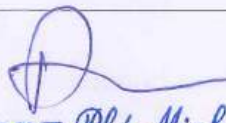
Chiều cao: 170 cm; Cân nặng: 86 kg; Chỉ số BMI: 29,76

Mạch: 82 lần/phút; Huyết áp: 135/87 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của BS chuyên khoa
1. Nội khoa			
a)	Tuần hoàn	Bình thường	
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	Bình thường	BÁC SĨ CK II Trần Văn Huyền
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	Bình thường	

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của BS chuyên khoa	
	Phân loại	I		
đ)	Nội tiết	Thừa cân		
	Phân loại	III		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường		 BÁC SĨ CK II Trần Văn Huyền
	Phân loại	I		
g)	Thần kinh	Bình thường		
	Phân loại	I		
h)	Tâm thần	Bình thường		
	Phân loại	I		
2.	Ngoại khoa, Da liễu:			 ThS.BSNT. Phó Minh Đức
	- Ngoại khoa:			
	Phân loại:	I		
	- Da liễu:			
	Phân loại:	I	BSCKL Nguyễn Thu Trang	
3.	Sân phụ khoa:			
	Phân loại:			
4. Mắt:				
Kết quả khám thị lực:				
Không kính: Mắt phải... 11/10... Mắt trái... 10/10... Có kính: Mắt phải... 10/10... Mắt trái... 10/10...				
Các bệnh về mắt (nếu có):				
2M. Cận thị				
Phân loại: II				
5. Tai - Mũi - Họng				
Kết quả khám thính lực:				
Tai trái: Nói thường... 5... m; Nói thầm... 0,5... m Tai phải: Nói thường... 5... m; Nói thầm... 0,5... m				
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):				
Bình thường				
Phân loại: I				

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

low: 250 leu/ml

CN. Tia Chì Thùy Chi

Hình ảnh

Tim: phổi bình thường

b) Đánh giá:

giếu âm: Nang gan

BS. Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại III (Ba)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Đẻ mổ 2 lần

Hai mắt tật khúc xạ

Hà Nội, ngày 07 tháng 4 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



- Họ và tên (viết chữ in hoa): ...ĐẶNG THUY QUỲNH...
- Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
- Sinh Ngày...01 tháng 12 năm 1991 (Tuổi: 35...)
- Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 001191004752
- Cấp ngày...04/12/2024 Tại CTCCS QLHC và TT.XH...
- Chỗ ở hiện tại: Hoài Đức - Hà Nội...
- Số điện thoại liên hệ: 0977.3131.33...

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

- Nghề nghiệp: Nhân viên Kinh doanh
- Nơi công tác, học tập: Công ty cổ phần đầu tư PA
- Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: 01/08/2024
- Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) thời gian làm việc... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....
b) thời gian làm việc... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....
- Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Thúy Quỳnh

..... ngày..... tháng..... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☒ Điều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☒ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☒ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☒ Ghi rõ: 2 lần Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☒ Ghi rõ: Vòng tránh thai Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 157 cm; Cân nặng: 47 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 91 lần/phút; Huyết áp: 95 / 55 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	BS. Bá Chi Chấn
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Bình thường	
Phân loại	I	
d) Thân-Tiết niệu	Bình thường	BS. Bá Chi Chấn
Phân loại	I	
đ) Nội tiết	I	



	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường	
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bình thường	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bình thường	
	Phân loại	I	
Ngoại khoa, Da liễu:			
	- Ngoại khoa:.....	<u>Bình thường</u>	
2.	Phân loại:.....	<u>I</u>	
	- Da liễu:.....	<u>Bình thường</u>	
	Phân loại:.....	<u>I</u>	
3.	Sản phụ khoa:	<u>Đẻ mổ 02 lần</u>	
	Phân loại:	<u>III</u>	
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		<u>8/10</u>	<u>9/10</u>
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		<u>M/10</u>	<u>M/10</u>
Các bệnh về mắt (nếu có):		2M Tật khúc xạ	
Phân loại:		II	
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		<u>15</u> <u>0,5</u>	
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		<u>15</u> <u>0,5</u>	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:		I	
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			
Hàm trên:.....		<u>18ml</u>	
Hàm dưới:.....		<u>18ml</u>	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
Phân loại		BS. Ngô Danh Khương	

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

Mũi: Blood 1P, No 02/12

CN. Đa Chi Thùy Chi

Hình ảnh

Tim, phổi bình thường

b) Đánh giá:

Sieu âm hiện tại chưa thấy bất thường BS: Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại II (Hại)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Hại mắt tật khúc xạ

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): V. H. T. H. T. H. A. O.
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh Ngày 19 tháng 2 năm 1981 (Tuổi: 35)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 0.3.0.4.9.4.0.2.1839
5. Cấp ngày 15/2/2023 Tại Cục Cảnh Sát
6. Chỗ ở hiện tại: Tân Tây Đô, xã O. Diên, Hà Nội;
Số điện thoại liên hệ: 0.9.6.6.9.7.7.8.1.9.

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh Công ty C.P. Đ.T. P.A

8. Nơi công tác, học tập: Công ty Cổ phần Hưu Tín P.A

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: / /

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /

b) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: /

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thao
V. H. T. H. T. H. A. O.

..... ngày..... tháng..... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Điều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 159 cm; Cân nặng: 52 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 84 lần/phút; Huyết áp: 110 / 75 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	BS. Bà Thị Thảo
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa		
Phân loại	Bình thường	
d) Thận-Tiết niệu	I	BS. Bà Thị Thảo
Phân loại	Bình thường	
d) Nội tiết	I	



	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường	M
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bình thường	BS. Bà Thị Thảo
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bình thường	M
	Phân loại	I	
	Ngoại khoa, Da liễu:		
2.	Ngoại khoa:.....	hình thái	BS. Nguyễn Thế Hùng
	Phân loại:.....	I	
	- Da liễu:.....	hình thái	
	Phân loại:.....	I	
3.	Sản phụ khoa:	hình thái	BS. Trần Lê Thùy Linh
	Phân loại:	I	
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 2/10. Mắt trái 2/10.....			
Có kính: Mắt phải 10/10..... Mắt trái 10/10.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2M Tật khúc xạ			
Phân loại:		II	BS CKI Trần Lê Thùy Linh
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 15..... m; Nói thầm 0.5..... m			
Tai phải: Nói thường 15..... m; Nói thầm 0.5..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại:		I	PhS.BS. Nguyễn Khắc Trường
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			
Hàm trên:.....		Bình thường	BS. Ngô Danh Khương
Hàm dưới:.....		I	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		I	
Phân loại			

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

Kết quả xét nghiệm
hiện chưa có bất thường

CN. Lê Thị Lý

Hình ảnh

Tim, phổi bình thường

b) Đánh giá:

Yếu tố: Gan nhiễm mỡ độ II Nặng hơn

BS. Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại II (trên)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Gây cũ cứng tay ①

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN ĐÌNH THÁI
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày 21 tháng 11 năm 1988 (Tuổi: 38)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001088017913
5. Cấp ngày 25/04/2021 Tại QLVTTH
6. Chỗ ở hiện tại: YÊN BÈ - HOÀI ĐỨC - HÀ NỘI
Số điện thoại liên hệ: 0833861988

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: Lái xe

8. Nơi công tác, học tập: Công Ty Cổ Phần Đầu Tư P.A

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: 10/05/2025

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việc.... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....

b) thời gian làm việc... năm..... tháng từ ngày/...../..... đến...../...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thái
Nguyễn Đình Thái

..... ngày..... tháng.... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☐ Thường ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 165 cm; Cân nặng: 71 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 85 lần/phút; Huyết áp: 125 / 75 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a) <u>Tuần hoàn</u>	<u>Bình thường</u>	<u>M</u>
Phân loại	<u>I</u>	
b) <u>Hô hấp</u>	<u>Bình thường</u>	<u>BS. Bà Thị Thảo</u>
Phân loại	<u>I</u>	
c) <u>Tiêu hóa</u>	<u>Bình thường</u>	<u>M</u>
Phân loại	<u>I</u>	
d) <u>Thận-Tiết niệu</u>	<u>Bình thường</u>	<u>BS. Bà Thị Thảo</u>
Phân loại	<u>I</u>	
đ) <u>Nội tiết</u>	<u>Bình thường</u>	



	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường	M
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bình thường	BS. Bà Thị Thảo
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bình thường	M
	Phân loại	I	
	Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Bà Thị Thảo
	- Ngoại khoa:.....	Cổ, m, cổ, m (T)	
2.	Phân loại:.....	I	BS. Nguyễn Thế Hùng
	- Da liễu:.....	Bình thường	
	Phân loại:.....	I	
	Sản phụ khoa:		
3.			
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có):			2M Bình thường
	Phân loại:	I	BS CKI. Trần Lê Thùy Linh
5.	Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:			M
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			BS. Nguyễn Khắc Trường
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
	Phân loại:	I	ThS.BS. Nguyễn Khắc Trường
6.	Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:			B
Hàm trên:.....			
Hàm dưới:.....			BS. Ngô Danh Khương
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			
	Phân loại	I	

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

BNNT: Gt: 100%
Pro: 0,2%
Uro: 1+

CN: Lưu Thị Thùy Chi

Hình ảnh:

Tim, phổi bình thường

b) Đánh giá:

Điểm âm: Gan nhiễm mỡ độ II BS: Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại II (Mức)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Hà Nội, ngày 07 tháng 04 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN TRỌNG HẬU
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 21 tháng 04 năm 1975 (Tuổi: 41)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001085049292
5. Cấp ngày 15/04/2025 Tại: Bộ Công An
6. Chỗ ở hiện tại: Đội g. an - Hoai Duc - Hà Nội
Số điện thoại liên hệ: 0987065397

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: LAI XE

8. Nơi công tác, học tập: CTCPĐT PA

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: / /

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /

b) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hậu
Nguyễn Trọng Hậu

..... ngày..... tháng.... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☐ Thường ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.75 cm; Cân nặng: 70 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 87 lần/phút; Huyết áp: 120 / 75 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...			
1. Nội khoa			
a) Tuần hoàn	Bình thường		
Phân loại	I		
b) Hô hấp	Bình thường		
Phân loại	I		
c) Tiêu hóa	Bình thường		
Phân loại	I		
d) Thận-Tiết niệu	Bình thường		
Phân loại	I		
đ) Nội tiết	Bình thường		



Phân loại		
e) Cơ - xương - khớp	Bình thường	
Phân loại	I	
g) Thần kinh	Bình thường	
Phân loại	I	
h) Tâm thần	Bình thường	
Phân loại	I	
Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: <u>Bình thường</u>		
2. Phân loại: <u>I</u>		
- Da liễu: <u>Bình thường</u>		
Phân loại: <u>I</u>		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại: <u>I</u>		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <u>1.0</u> Mắt trái <u>1.0</u>		
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có): <u>2M Bình thường</u>		
Phân loại: <u>I</u>		
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường <u>1.5</u> m; Nói thầm <u>0.5</u> m		
Tai phải: Nói thường <u>1.5</u> m; Nói thầm <u>0.5</u> m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): <u>I</u>		
Phân loại: <u>I</u>		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên: <u>Bình thường</u>		
Hàm dưới: <u>Bình thường</u>		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): <u>I</u>		
Phân loại: <u>I</u>		

BS: Ngô Danh Khương

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

Kết quả xét nghiệm
hiện chưa có bất thường

Hình ảnh

Tim, phổi bình thường

b) Đánh giá:

Hiện âm liên tục chưa phát hiện bất thường

BS. Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại I (Mới)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Hà Nội, ngày 08 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): CAO VĂN TĂNG
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày 25 tháng 05 năm 1986 (Tuổi: 40)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001086014998
5. Cấp ngày 05/08/2022 Tại Cục Cảnh Sát QLHC VT Xã Hội
6. Chỗ ở hiện tại: Xóm 4 Lũng Xá - Xã Hoài Đức - TP Hà Nội
Số điện thoại liên hệ: 0972005684

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phân HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: Lái xe

8. Nơi công tác, học tập: Lũng Xá - Xã Hoài Đức - TP Hà Nội

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: 01/08/2025

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) Lái xe thời gian làm việc 9 năm tháng từ ngày 03/02/2016 đến 01/08/2025

b) Lái xe thời gian làm việc 1 năm tháng từ ngày 01/08/2025 đến 03/04/2026

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình: Không có

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

CAO VĂN TĂNG

..... ngày..... tháng.... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☐ Thường ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.66 cm; Cân nặng: 53 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 70 lần/phút; Huyết áp: 120 / 70 mmHg

Phân loại thể lực:

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	BS. Bá Chi Chải
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Bình thường	
Phân loại	I	
d) Thân-Tiết niệu	Bình thường	BS. Bá Chi Chải
Phân loại	I	
đ) Nội tiết		



	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường I	
	Phân loại		
g)	Thần kinh	Bình thường I	
	Phân loại		
h)	Tâm thần	Bình thường I	BS. Bá Chi Chải
	Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa:.....		Bình thường I	
2. Phân loại:.....			
- Da liễu:.....		Bình thường I	BS. Nguyễn Thế Hùng
Phân loại:.....			
Sản phụ khoa:			
3.			
Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <u>1.0</u> Mắt trái <u>1.0</u>			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): <u>2M Bình thường</u>			BS CKI. Trần Lê Thùy Linh
Phân loại: <u>I</u>			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường..... <u>1.5</u> m; Nói thầm..... <u>1.5</u> m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			ThS.BS. Nguyễn Khắc Trường
Phân loại: <u>I</u>			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			
Hàm trên:..... <u>Bình thường</u>			
Hàm dưới:..... <u>Bình thường</u>			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):			BS. Ngô Danh Khương
Phân loại			

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

Kết quả xét nghiệm
hiện chưa có bất thường

CN. Lê Thị Thùy Chi

Hình ảnh
Tim, phổi bình thường

b) Đánh giá:

tiền căn: Tan nhĩn mô độ I

BS. Nguyễn Việt Anh

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại II (Hại)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Hại mắt tật khúc xạ

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Kiên



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ LIÊN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh Ngày: 15 tháng 3 năm 1918 (Tuổi: 58)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 00.11680.4.2259
5. Cấp ngày 7/12/2018 Tại: Cục Cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Lùn xã, xã Hoài Đức, Hà Nội
Số điện thoại liên hệ: 0936.392.749

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: Nhân viên kho Công ty CPĐT PA

8. Nơi công tác, học tập: Công ty Cổ phần Điện Tử PA

9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay:/...../.....

10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):

a) thời gian làm việc năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....

b) thời gian làm việc năm tháng từ ngày/...../..... đến/...../.....

11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Liên

Ngô Thị Liên

..... ngày tháng năm

Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: Điều ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 156 cm; Cân nặng: 55 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 73 lần/phút; Huyết áp: 100 / 65 mmHg

Phân loại thể lực: I

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...		
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Bình thường	
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Bình thường	BS. Bà Thị Chải
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Bình thường	
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu	Bình thường	
Phân loại	I	
đ) Nội tiết	I	BS. Bà Thị Chải

	Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường	BS. Bà Thị Chải
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	Bình thường	BS. Bà Thị Chải
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	Bình thường	BS. Bà Thị Chải
	Phân loại	I	
Ngoại khoa, Da liễu:			
	- Ngoại khoa:.....	Bình thường	BS. Nguyễn Thế Hùng
2.	Phân loại:.....	I	
	- Da liễu:.....	Bình thường	
	Phân loại:.....	I	
Sân phụ khoa:			
3.			
	Phân loại:		
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			BS. CKI. Trần Lê Thùy Linh
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2M Tật khúc xạ			
Phân loại: H			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			ThS.BS. Nguyễn Khắc Trường
Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):			
Phân loại: I			
6. Răng - Hàm - Mặt			
Kết quả khám:			BS. Ngô Danh Khương
Hàm trên:.....			
Hàm dưới:.....			
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): I			
Phân loại			

IV. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

* Xét nghiệm huyết học/sinh hóa/X.quang và các xét nghiệm khác khi có chỉ định của bác sỹ:

a) Kết quả:

Kết quả xét nghiệm
hiện chưa có bất thường

CN. Bà Thị Thùy Chi

Hình ảnh

Tim, phổi bình thường

BS. Nguyễn Việt Anh

b) Đánh giá:

Sức khỏe hiện tại chưa phát hiện bất thường

V. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:¹

Loại III (b)

2. Các bệnh, tật (nếu có):²

Thiếu máu

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2016

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. Nguyễn Trung Hiệp



SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK. HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SỔ KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THANH LOAN
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒
3. Sinh Ngày 20 tháng 09 năm 1992 (Tuổi: 34)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 001192048726
5. Cấp ngày 27/6/2021 Tại CT CCS QLHC và TT.XH
6. Chỗ ở hiện tại: Hoài Đức - Hà Nội
Số điện thoại liên hệ: 0964 135 592

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Nghề nghiệp: Nhân viên kế toán
8. Nơi công tác, học tập: Công ty cơ phân đầu tư PA
9. Ngày bắt đầu vào làm việc tại đơn vị hiện nay: / /
10. Nghề, công việc trước đây (liệt kê công việc đã làm trong 10 năm gần đây, tính từ thời điểm gần nhất):
a) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /
b) thời gian làm việc... năm... tháng từ ngày / / đến / /
11. Tiền sử bệnh, tật của gia đình:

12. Tiền sử bệnh, tật của bản thân:

Tên bệnh	Phát hiện năm	Tên bệnh nghề nghiệp	Phát hiện năm
a)		a)	
b)		b)	
c)		c)	
d)		d)	

Người lao động xác nhận
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Loan
Nguyễn Thanh Loan

..... ngày..... tháng.... năm.....
Người lập sổ KSK định kỳ
(Ký và ghi rõ họ, tên)

KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

I. TIỀN SỬ BỆNH, TẬT

(Bác sỹ khám sức khỏe hỏi và ghi chép)

Tiền sử sản phụ khoa (Đối với nữ):

- Bắt đầu thấy kinh nguyệt năm bao nhiêu tuổi:

- Tính chất kinh nguyệt: ☐ Thường ☐ Không đều ☐

Chu kỳ kinh: ngày Lượng kinh: ngày

Đau bụng kinh: Có ☐ Không ☐

- Đã lập gia đình: Có ☐ Chưa ☐

- PARA:

- Số lần mổ sản, phụ khoa: Có ☐ Ghi rõ: Chưa ☐

- Có đang áp dụng BPTT không? Có ☐ Ghi rõ: Không ☐

II. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 1.50 cm; Cân nặng: 55 Kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 61 lần/phút; Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực: III

III. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
phải khám đầy đủ các nội dung theo chuyên khoa để khẳng định có/hay không có bệnh, tật theo quy định tại Quyết định...			
1. Nội khoa			
a)	Tuần hoàn	Bình thường	BS. Bà Thị Chải
	Phân loại	I	
b)	Hô hấp	Bình thường	
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	Bình thường	
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	Bình thường	
	Phân loại	I	
đ)	Nội tiết	Bình thường	Bà Thị Chải



Phân loại		
e)	Cơ - xương - khớp	Bình thường I
	Phân loại	
g)	Thần kinh	Bình thường I
	Phân loại	
h)	Tâm thần	Bình thường I
	Phân loại	
Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: <u>Bình thường</u>		
2. Phân loại: <u>Bình thường</u>		BS. Nguyễn Thế Hùng
- Da liễu: <u>Bình thường</u>		
Phân loại: <u>I</u>		
Sản phụ khoa:		
3. Phân loại: <u>I</u>		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <u>1.0</u> Mắt trái <u>1.0</u>		
Có kính: Mắt phải Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có): <u>2M Bình thường</u>		
Phân loại: <u>I</u>		BS CKI. Trần Lê Thùy Linh
5. Tai - Mũi - Họng		
Kết quả khám thính lực:		
Tai trái: Nói thường <u>5</u> m; Nói thầm <u>0.5</u> m		
Tai phải: Nói thường <u>5</u> m; Nói thầm <u>0.5</u> m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		ThS.BS. Nguyễn Khắc Trường
Phân loại: <u>I</u>		
6. Răng - Hàm - Mặt		
Kết quả khám:		
Hàm trên: <u>Bình thường</u>		
Hàm dưới: <u>Bình thường</u>		
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
Phân loại: <u>I</u>		BS. Ngô Danh Khương

Hà Nội, ngày 24 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v xác nhận kiến thức tập huấn ATTP cho người lao động tại công ty

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm;

Căn cứ 33/VBHN-BNNPTNT ngày 13/12/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT(nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) hướng dẫn việc chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ điều lệ Công ty cổ phần đầu tư PA;

Căn cứ kết quả thi xác nhận kiến thức An toàn thực phẩm ngày 24/06/2026

Xét đề nghị của Bộ phận Hành chính - Tổng hợp;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Xác nhận công ty đã tổ chức tập huấn và xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho các ông (bà) có tên dưới đây là quản lý và nhân viên trực tiếp sản xuất thực phẩm tại Công ty cụ thể như sau: *(Danh sách chi tiết theo phụ lục đính kèm).*

Điều 2. Giấy xác nhận kiến thức này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và chỉ có giá trị áp dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh nông sản tại công ty.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Hành chính tổng hợp, Trưởng phòng sản xuất và các ông (bà) có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Bộ phận trực thuộc công ty;
- Lưu HC-TH.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC

Cao Việt Anh

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN ĐƯỢC XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

STT	Họ và Tên	Nam	Nữ	Số Hộ chiếu/ CMND/thẻ căn cước	Ngày/tháng/ năm cấp CMND/ thẻ căn cước	Nơi cấp CMND/ thẻ căn cước	Bộ phận hiện đang làm việc tại cơ sở
1	Nguyễn Văn Thuận	X		034087021478	16/03/2022	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng
2	Cao văn Hợp	X		001089005202	21/04/2021	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng
3	Tạ Ngọc Tú	X		034087017654	16/03/2022	Cục cảnh sát	Nhân viên giao hàng



III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: 4.02 T/L Số lượng Bạch cầu: 6.5 G/L Số lượng tiểu cầu: 258 G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: 6.2 mmol/l Urê: 4.8 mmol/l Creatinin: 9.8.2 mmol/l ASAT(GOT): 25.3 U/L ALAT (GPT): 14.5 U/L	BSCKII. Lê Bảo Trâm
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ÂM TÍNH b) Protein: c) Khác (nếu có):	BSCKII. Lê Bảo Trâm
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng): HÌNH TIM PHỔI BÌNH THƯỜNG CN. Phạm Việt Phú	CN. Phạm Việt Phú

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

2. Các bệnh, tật (nếu có):

..... **HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE ĐỂ HỌC TẬP VÀ CÔNG TÁC**

Hà Nội, ngày 14... tháng 05... năm 2026
 NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHÒNG TCKT - BVE
 ĐÃ THU TIỀN KSK
 Ngày:
 Ký:



PGĐ. PT CHUYÊN MÔN
 TS.BS. Vũ Hồng Anh

BỘ Y TẾ
 BỆNH VIỆN E

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 001280 /GSKS

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): Nguyễn Văn Tuấn
 2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 3. Sinh Ngày 20... tháng 07... năm 1987 (Tuổi: 39)
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 024087024478
 5. Cấp ngày 16... / 03 / 2022 Tại C.A. Huyện
 6. Chỗ ở hiện tại: Công chơ Đức Thuận - H.D. - H.N.

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: Truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt slent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

..... ngày 04... tháng 05... năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thuan
Nguyễn Văn Thuan



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: cm; - Cân nặng: kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: lần/phút; - Huyết áp: mmHg

Phân loại thể lực: 1

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		

Bình thường

Ths.BS. Nguyễn Thị Vân

d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		
d)	Nội tiết		
	Phân loại	Bình thường	
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại		
g)	Thần kinh		
	Phân loại	Bình thường	
h)	Tâm thần		Ths.BS. Nguyễn Thị Vân
	Phân loại		
	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	Bình thường	
2.	Phân loại:		Ths.BS. Phùng Thị Thúy Hằng
	- Da liễu:	Bình thường	
	Phân loại:		
3.	Sản phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
	Các bệnh về mắt (nếu có):		
	Phân loại:		Ths.BS. Lại Thùy Dương
5.	Tai - Mũi - Họng		
	Kết quả khám thính lực:		
	Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
	Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		Ths.BSNT. Hà Phương Thảo
	Phân loại:	Bình thường	
6.	Răng - Hàm - Mặt		
	Kết quả khám: Hàm trên:.....	Bình thường	
	Hàm dưới:.....		
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		BS. Trần Ngọc Sơn
	Phân loại:		

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: T/L Số lượng Bạch cầu: G/L Số lượng tiểu cầu: G/L b) Sinh hóa máu: Đường máu: mmol/l Urê: mmol/l Creatinin: mmol/l ASAT(GOT): U/L ALAT (GPT): U/L	BSK II. Lê Bảo Trâm
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	BSK II. Lê Bảo Trâm
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	CN. Phạm Việt Phú

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

2. Các bệnh, tật (nếu có):

.....

.....

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2026
 NGƯỜI KẾT LUẬN
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PGĐ. PT. CHUYÊN MÔN
 TS. BS. Vũ Hồng Anh

PHÒNG TCKT - BVE
 ĐÃ THU TIỀN KSK
 Ngày:
 Ký:

BỘ Y TẾ
 BỆNH VIỆN E

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01698 /GKSK

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): T. A. NGỌC TÚ
 2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
 3. Sinh Ngày 15 tháng 01 năm 1981 (Tuổi: 40)
 4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 034084017654
 5. Cấp ngày 16/03/2022 Tại Cục Cảnh sát
 6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Nhượng - Huyện Đức - Hà Nội

* Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) số định danh công dân

7. Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: Truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

ngày 21 tháng 03 năm 2026
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao:cm; - Cân nặng:kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 81 lần/phút; - Huyết áp: 140/80 mmHg

Phân loại thể lực: Loại 2

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám			Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa		
a)	Tuần hoàn		
	Phân loại		
b)	Hô hấp		
	Phân loại		
c)	Tiêu hóa		
	Phân loại		

Bình thường

ThS.BS. Nguyễn Thị Vân

d)	Thận-Tiết niệu		
	Phân loại		
d)	Nội tiết		
	Phân loại	<i>Bình thường</i>	
e)	Cơ - xương - khớp		
	Phân loại	<i>Bình thường</i>	
g)	Thần kinh		
	Phân loại		
h)	Tâm thần		
	Phân loại		<i>ThS.BS. Nguyễn Thị Vân</i>
	Ngoại khoa, Da liễu:		
	- Ngoại khoa:	<i>Bình thường</i>	
2.	Phân loại:		
	- Da liễu:	<i>Bình thường</i>	<i>ThS.BS. Phùng Thị Thủy Hằng</i>
	Phân loại:		
3.	Sản phụ khoa:		
	Phân loại:		
4.	Mắt:		
	Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
	Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
	Các bệnh về mắt (nếu có):		<i>ThS.BS. Lại Thị Dương</i>
	Phân loại:		
5.	Tai - Mũi - Họng		
	Kết quả khám thính lực:		
	Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		
	Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m		<i>ThS.BSNT. Hà Phương Thảo</i>
	Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
	Phân loại:	<i>Bình thường</i>	
6.	Răng - Hàm - Mặt		
	Kết quả khám: Hàm trên:	<i>Bình thường</i>	
	Hàm dưới:		<i>BS. Trần Ngọc Sơn</i>
	Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):		
	Phân loại:		

6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:.....	S. BS. <i>Trương Sơn</i>
Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có): <i>Bet Hg</i>	
Phân loại <i>I</i>	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: <i>Kết quả xét nghiệm</i> Số lượng tiểu cầu: <i>hiện chưa có bất thường</i> b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT(GOT): ALAT (GPT): 2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: ÂM TÍNH b) Protein: c) Khác (nếu có): 3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng) <i>Hình ảnh</i> <i>Tim, phổi bình thường</i>	<i>kh</i> <i>CN. Bà Thị Thùy Chi</i> <i>kh</i> <i>CN. Bà Thị Thùy Chi</i> <i>kh</i> <i>Bs. Danh Thị Lan</i>

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: *Loại I (mặt)*
2. Các bệnh, tật (nếu có): ..

..... ngày *23* tháng *06* năm *2026*

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TRƯỞNG PHÒNG KẾ HOẠCH TỔNG HỢP
ThS.BS. *Nguyễn Trung Hiệp*

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐK HOÀI ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *2117* /GKSK-BVĐKHĐ

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

(Dành cho người từ đủ 18 tuổi trở lên)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): *CAO VĂN HÒA*
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh ngày... *02* tháng *03* năm *1989* (Tuổi: *37*.....)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: *081089005202*
5. Cấp ngày *21/04/2021* Tại *Quê cũ*
6. Chỗ ở hiện tại: *Quê cũ - Hoài Đức - Hà Nội*
7. Lý do khám sức khỏe: *Đảm bảo sức khỏe*

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình: Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:
- a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:
2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒

6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên ngày 23 tháng 06 năm 2026
đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Cao Văn Hiệp

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 170 cm; - Cân nặng: 75 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 76 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg

Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
Nội khoa		
1. Toàn thân	BT	
a) Phân loại	I	BS. Bá Chi Thảo

b)	Hô hấp	BT	BS. Trần Lê Hùng
	Phân loại	I	
c)	Tiêu hóa	BT	BSCKI. Nguyễn Thị Thủy
	Phân loại	I	
d)	Thận-Tiết niệu	BT	BS. Trần Lê Hùng
	Phân loại	I	
d)	Nội tiết	BT	BSCKI. Nguyễn Thị Thủy
	Phân loại	I	
e)	Cơ - xương - khớp	BT	BSCKI. Nguyễn Thị Thủy
	Phân loại	I	
g)	Thần kinh	BT	
	Phân loại	I	
h)	Tâm thần	BT	BS. Bá Chi Thảo
	Phân loại	I	
Ngoại khoa, Da liễu:			
- Ngoại khoa: BT			BS. Nguyễn Thế Hùng
2. Phân loại: I			
- Da liễu: BT			BSCKI. Nguyễn Thị Thủy
Phân loại: I			
3. Sản phụ khoa:			
Phân loại:			
4. Mắt:			
Kết quả khám thị lực:			
Không kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....			
Các bệnh về mắt (nếu có): 2M Bình thường			BS CKI. Trần Lê Thùy Linh
Phân loại: I			
5. Tai - Mũi - Họng			
Kết quả khám thính lực:			
Tai trái: Nói thường 5 m; Nói thầm 0,5 m			
Tai phải: Nói thường 5 m; Nói thầm 0,5 m			
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): BT			
Phân loại: I			TS.BS. Nguyễn Khắc Trường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 05/ PA /2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoit Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo DT8 Vian

2. Thành phần: 100% gạo DT8 (gạo dài thơm)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định trong nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo DT8 Vian

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoit Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo DT8 (gạo dài thơm)

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh

5380
NG 1
PH
T
PA
ĐỨC-T

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo DT8 Vian

Số TCB: 05/PA/2026

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

☐ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

☐ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo DT8 (gạo dài thơm)

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





Số: 55462/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Gạo DT8 Vian
2. Mã số mẫu: 072612290/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 09/07/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 09/07/2026 - 17/07/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi.
Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi.
Số lượng: 1. NSX: 28/06/2026 - HSD: 28/10/2026.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng hạt dài, khô, rời, màu trắng trong lẫn trắng đục, mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ, không phát hiện côn trùng sống nhìn thấy bằng mắt thường
9.2*	Độ ẩm	TCVN 9706:2013	%	11,8
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,068
9.7*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,015



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.

10.2. KPH - Không phát hiện. LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử.

10.3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.4. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.5. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

**TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN**



★TS. Nguyễn Thành Trung

VILAS 203

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/ PA /2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo ML48 Liên Hương Vian

2. Thành phần: 100% gạo ML48 (gạo liên hương)

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định trong nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo ML48 Liên Hương Vian

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo ML48 (gạo liên hương)

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 21 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo ML48 Liên Hương Vian

Số TCB: 02/PA/2026

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

☐ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

☐ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo ML48 (gạo liên hương)

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





Số: 55463/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Gạo ML48 Liên Hương Vian
2. Mã số mẫu: 072612290/DV.2
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 09/07/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 09/07/2026 - 17/07/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi.
Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi.
Số lượng: 1. NSX: 25/06/2026 - HSD: 25/10/2026.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng hạt dài, khô, rời, màu trắng trong lẫn trắng đục, mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi, vị lạ, không phát hiện côn trùng sống nhìn thấy bằng mắt thường
9.2*	Độ ẩm	TCVN 9706:2013	%	11,5
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,24
9.7*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	KPH (LOD: 0,004)



TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,010)

10. Ghi chú:

10.1. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025.

10.2. KPH - Không phát hiện. LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử. LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử.

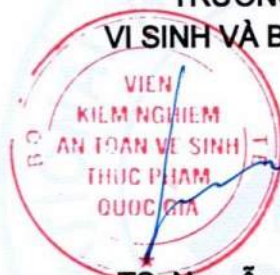
10.3. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

10.4. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính xác thực và độ tin cậy.

10.5. Khách hàng có thể yêu cầu xem xét lại/khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm đã nhận trong trường hợp có mẫu lưu và trong thời gian 7 ngày tính từ ngày khách hàng nhận Phiếu kết quả kiểm nghiệm; Không nhận yêu cầu xem xét lại/khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Hà Nội, ngày 17 tháng 07 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN



TS. Nguyễn Thành Trung

VILAS 203

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/ PA /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Bắc Hương

2. Thành phần: 100% gạo bắc hương

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Bắc Hương

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo bắc hương

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- 1. Tên sản phẩm thực phẩm:** Gạo Bắc Hương
Số TCB: 01/PA/2025
- 2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:** Công ty cổ phần đầu tư PA
 - Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - Đóng gói tại:
 - + Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - + Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
- 3. Xuất xứ hàng hóa:** Việt Nam
- 4. Khối lượng tịnh:**
- 5. Ngày sản xuất:**
- 6. Ngày đóng gói:**
- 7. Hạn sử dụng:** 04 tháng kể từ ngày sản xuất
- 8. Thành phần:** 100% gạo bắc hương
- 9. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng
- 10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:** Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- 11. Là thực phẩm** (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71464/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: GẠO BẮC HƯƠNG
- Mã số mẫu: 112518660/DV.1
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
- Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

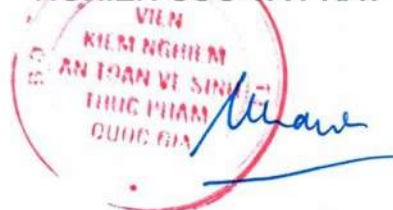
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt dài, màu trắng trong, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	13,3
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,064
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

- Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
- (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngõ Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9393 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3642/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO BẮC HƯƠNG
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.1
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

TS. Vũ Thị Trang

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03/ PA /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo BC

2. Thành phần: 100% gạo BC

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo BC

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo BC

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

- 1. Tên sản phẩm thực phẩm:** Gạo BC
Số TCB: 03/PA/2025
- 2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:** Công ty cổ phần đầu tư PA
 - Địa chỉ: Số 55, đường Công Dậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - Đóng gói tại:
 - + Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - + Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
- 3. Xuất xứ hàng hóa:** Việt Nam
- 4. Khối lượng tịnh:**
- 5. Ngày sản xuất:**
- 6. Ngày đóng gói:**
- 7. Hạn sử dụng:** 04 tháng kể từ ngày sản xuất
- 8. Thành phần:** 100% gạo BC
- 9. Thông tin cảnh báo:** Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng
- 10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản:** Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- 11. Là thực phẩm** (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngõ Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71465/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO BC
2. Mã số mẫu: 112518660/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 17/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt dài, màu trắng trong lẫn màu trắng đục, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	13,4
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,10
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,023
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3643/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO BC
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.2
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 17/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



TS. Vũ Thị Trang

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 07/ PA /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Nếp

2. Thành phần: 100% gạo nếp

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Nếp

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo nếp

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu xôi, nấu cơm, xay bột, nấu cháo...

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh

MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Nếp

Số TCB: 07/PA/2025

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

+ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

+ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo nếp

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu xôi, nấu cơm, xay bột, nấu cháo,... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71468/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO NẾP
2. Mã số mẫu: 112518660/DV.5
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 16/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt ngắn, màu trắng ngà, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	11,5
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,069
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,016
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1293B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3646/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO NẾP
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.5
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 16/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM



TS. Vũ Thị Trang

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 11/ PA /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo ST25

2. Thành phần: 100% gạo ST25

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo ST25

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo ST25

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo ST25

Số TCB: 11/PA/2025

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

+ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

+ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo ST25

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71469/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: GẠO ST25
- Mã số mẫu: 112518660/DV.6
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
- Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt dài, màu trắng trong, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	10,5
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,052
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,012
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG

TRƯỞNG KHOA

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/
This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3647/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO ST25
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.6
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
TS. Vũ Thị Trang

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 08/ PA /2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Tám

2. Thành phần: 100% gạo tám

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Tám

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo tám

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Tám

Số TCB: 08/PA/2026

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

+ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

+ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo tám

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thiện Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71467/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

- Tên mẫu: GẠO TÁM
- Mã số mẫu: 112518660/DV.4
- Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
- Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
- Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
- Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt dài, màu trắng trong, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	13,4
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,040
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử

KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIÊN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duyệt, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Công B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3645/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO TÁM
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.4
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 18/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
TS. Vũ Thị Trang

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 09/ PA /2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Tám Thái

2. Thành phần: 100% gạo tám thái

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định trong nghị định số 37/2026/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Tám Thái

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo tám thái

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Tám Thái

Số TCB: 09/PA/2026

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Đóng gói tại:

+ Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

+ Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh:

5. Ngày sản xuất:

6. Ngày đóng gói:

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần: 100% gạo tám thái

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





Số: 19111/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM TEST REPORT

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Gạo Tám Thái
2. Mã số mẫu: 03263683/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 13/03/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 13/03/2026 - 27/03/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi.
Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 25-02-2026 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1	Cảm quan	NIFC.05.M.199	-	Dạng hạt dài, màu trắng trong, mùi vị đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	TCVN 9706:2013	%	12,5
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Ochratoxin A	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	µg/kg	KPH (LOD: 0,5)
9.6*	Hàm lượng Arsenic	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,084
9.7*	Hàm lượng Cadmi	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	< LOQ (LOQ: 0,010)
9.8*	Hàm lượng Chì	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	mg/kg	0,057

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (°) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD₅₀ là giới hạn phát hiện LOD₅₀ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

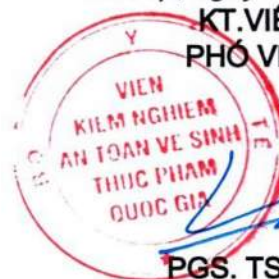
10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2026

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



PGS. TS. Trần Cao Sơn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/ PA /2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần đầu tư PA

Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

VPGD: Nhà 14, Dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 033.609.6789

Email: pavietnam19@gmail.com

Mã số doanh nghiệp: 0108538065 đăng ký lần đầu ngày 05/12/2018, đăng ký thay đổi lần 1 ngày 01/6/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 1: 68/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 22/5/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP cơ sở 2: 211/2025/NNMT-HAN, cấp ngày 21/10/2025 tại Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Hà Nội.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Khang Dân

2. Thành phần: 100% gạo khang dân

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng trong bao bì nhựa đựng thực phẩm, khối lượng tịnh 1 kg, 5 kg, 10 kg, 25 kg... tùy theo đơn đặt hàng của khách hàng.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm: đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến theo quy định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của chính phủ về nhãn hàng hóa, cụ thể:

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Khang Dân

2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa:

- Tên tổ chức, cá nhân: Công ty cổ phần đầu tư PA

- Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

- Địa chỉ đóng gói:

Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, KĐT Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội

3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam

4. Khối lượng tịnh: In trên bao bì/ tem nhãn

5. Ngày sản xuất: In trên bao bì/ tem nhãn

6. Ngày đóng gói: In trên bao bì/ tem nhãn

7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất

8. Thành phần hoặc thành phần định lượng: 100% gạo khang dân

9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng

10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp

11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng)



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Cao Việt Anh



MẪU NHÃN SẢN PHẨM DỰ KIẾN

1. Tên sản phẩm thực phẩm: Gạo Khang Dân
Số TCB: 04/PA/2025
2. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa: Công ty cổ phần đầu tư PA
 - Địa chỉ: Số 55, đường Công Đậu, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - Đóng gói tại:
 - + Cơ sở 1: Nhà 14, dãy T5.1, kdt Westpoint Nam 32, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
 - + Cơ sở 2: Số 9, đường 422, thôn Lưu Xá, xã Hoài Đức, TP Hà Nội
3. Xuất xứ hàng hóa: Việt Nam
4. Khối lượng tịnh:
5. Ngày sản xuất:
6. Ngày đóng gói:
7. Hạn sử dụng: 04 tháng kể từ ngày sản xuất
8. Thành phần: 100% gạo khang dân
9. Thông tin cảnh báo: Không sử dụng khi có dấu hiệu nấm mốc hoặc quá hạn sử dụng
10. Hướng dẫn sử dụng, hướng dẫn bảo quản: Sử dụng để nấu cơm, xay bột, nấu cháo, rang cơm... Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
11. Là thực phẩm (không sử dụng là dược liệu, thực phẩm chức năng).





BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thân Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngô Quyền (đối diện 744 Lê Thành Tông), Phường Đông Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 71466/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO KHANG DÂN
2. Mã số mẫu: 112518660/DV.3
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Số lượng: 1.
NSX: 17/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 13/11/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 13/11/2025 - 29/11/2025
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Dạng hạt dài, màu trắng trong lẫn trắng đục, mùi đặc trưng của sản phẩm
9.2*	Độ ẩm	%	TCVN 9706:2013	12,3
9.3*	Hàm lượng Aflatoxin B1	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.4*	Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)
9.5*	Hàm lượng Arsenic	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,048
9.6*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	0,092
9.7*	Hàm lượng Chì	mg/kg	AOAC 2015.01 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,004)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 29 tháng 11 năm 2025

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA
NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN



ThS. Cao Công Khánh

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.



BỘ Y TẾ/ MINISTRY OF HEALTH
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)

Trụ sở chính/ Head Office: 65 Phạm Thái Duật, Phường Phú Diễn, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 1/ Service Office 1: Phòng A102, Cổng B Cảng Cát Lái, Số 1295B đường Nguyễn Thị Định, Phường Cát Lái, TP. HCM, Việt Nam
Điểm tiếp nhận yêu cầu 2/ Service Office 2: Số 1 Ngõ Quyền (đối diện 744 Lê Thánh Tông), Phường Đồng Hải, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Hotline: 085 929 9595 Email: vkn@nifc.gov.vn Website: http://www.nifc.gov.vn

Số: 3644/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu: GẠO KHANG DÂN
2. Mã số mẫu: 122521922/DV.3
3. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi nilon ghép mí, 300 g/túi. Thông tin mẫu đánh máy dán trên túi. Số lượng: 1.
NSX: 17/10/2025 - HSD: 4 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Số lượng mẫu: 01 mẫu
5. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
6. Ngày nhận mẫu: 31/12/2025
7. Thời gian thử nghiệm: 31/12/2025 - 16/01/2026
8. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA
Địa chỉ: Số 55 Đường Cổng Đậu, thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, Hà Nội, Việt Nam
9. Kết quả thử nghiệm: Chỉ tiêu Hóa lý

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Ochratoxin A	µg/kg	NIFC.04.M.038 (LC-MS/MS)	KPH (LOD: 0,5)

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

Hà Nội, ngày 16 tháng 01 năm 2026
TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
DINH DƯỠNG VÀ PHỤ GIA THỰC PHẨM

VIỆN
KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN V. SINH
THỰC PHẨM
QUỐC GIA
TS. Vũ Thị Trang

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm/ This report is only valid for the above sample.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This test report shall not be reproduced partly without the written approval of NIFC.
3. Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Information of sample and customer is written as customer's request.
4. (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025.
5. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

LINK CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Link Công bố sản phẩm trên trang web của Phòng chất lượng và phát triển thị trường Hà Nội thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường Hà Nội

TÊN GẠO	LINK
Bắc Hương	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=23687
BC	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=23688
Tám	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=24761
Khang Dân	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=23689
Nếp	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=23690
ST25	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=23692
Tám Thái	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=26161
DT8 Vian	Đang cập nhật
ML48 Liên Hương Vian	Đang cập nhật
Công văn bổ sung chỉ tiêu Ochratoxin A	https://clattp.sonnmt.hanoi.gov.vn/Pages/Chi-Tiet-San-Pham-Tu-Cong-Bo.aspx?IDD=24759

MÃ TRUY XUẤT TRÊN HN.CHECK

Mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm trên trang hn.check.net.vn

TÊN GẠO	MÃ CODE	TÊN GẠO	MÃ CODE
Gạo DT8 Vian		ML48 Liên hương Vian	
Bắc Hương		Nếp	
BC		ST25	
Tám		Khang Dân	
Tám Thái			

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 0201/2026/ VH-PA

- Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026, tại Hà Nội chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Địa chỉ : Số 55, Đường Công Đậu, Thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Email : pavietnam19@gmail.com

Điện thoại : 098.252.3151

Fax :

Mã số thuế : 0108538065

Số tài khoản : 11610000184989. Ngân hàng: BIDV – CN Hoài Đức, Hà Nội

Đại diện : Ông Cao Việt Anh

Chức Vụ: Giám Đốc

BÊN B (Bên bán): CÔNG TY TNHH VINH HIỂN

Địa chỉ : Số 1102, Ấp Thanh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

MST : 1200528906

Điện thoại : 0919.322.012

Số tài khoản : 6905201000355 – Ngân hàng Agribank - Chi nhánh: Gò Công Tây, Tiền Giang

Tên tài khoản: Công ty TNHH Vinh Hiển

Đại diện : Ông Huỳnh Văn Danh

Chức vụ: Giám đốc

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng mua bán các loại gạo với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đặt mua và bên B nhận sản xuất, cung cấp các sản phẩm gạo theo nội dung đơn đặt hàng của bên A trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng này.

Điều 2: GIÁ CẢ SẢN PHẨM

2.1. Giá bán sản phẩm sẽ được bên B thông báo cho bên A dựa theo “đơn đặt hàng” của bên A tại mỗi thời điểm và được coi như phụ lục của hợp đồng này.

Bên B cam kết cung cấp các sản phẩm có chất lượng với mức giá cạnh tranh cho bên A trong suốt thời gian hợp đồng.

2.2. Bên B cam kết ổn định mức giá cho mỗi mặt hàng mà bên A mua trong thời hạn tối thiểu là 03 tháng.

Khi nguyên liệu đầu vào biến động 10% trở lên (tăng hoặc giảm), bên B sẽ chủ động thông báo giá mới cho bên A.



Điều 3: ĐẶT HÀNG VÀ HỦY MUA HÀNG

3.1. Đặt mua hàng hóa:

Bên A gửi “Đơn đặt hàng” bằng hình thức điện thoại, zalo,...., hoặc gửi email cho bên B.

Trong đơn đặt hàng bên A ghi rõ: Số lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa, thời gian, địa điểm giao hàng và các nội dung khác liên quan đến hàng hóa.

“Đơn đặt hàng” sẽ do đại diện có thẩm quyền của Bên A ký (thực hiện) và phải được bên B xác nhận chấp thuận qua điện thoại, zalo, email....

Bên B phải xác nhận khả năng có thể cung cấp hàng hoá trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày nhận được “Đơn đặt hàng” của bên A.

Bên A gửi cho bên B danh sách tên và chữ ký mẫu của đại diện được ủy quyền ký “Đơn đặt hàng”. Khi có thay đổi về người đại diện ủy quyền hoặc chữ ký mẫu, bên A phải thông báo bằng văn bản cho bên B biết trước ít nhất 3 ngày.

3.2. Hủy Đơn đặt hàng, trả hàng:

Bên A được quyền thông báo hủy “Đơn đặt hàng”, trả lại hàng khi:

- Bên B chưa xác nhận “Đơn đặt hàng”.
- Bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng như hàng kém chất lượng, chậm tiến độ giao hàng.
- Trong mọi trường hợp bên A hủy mua hàng, trả lại hàng đã mua từ bên B thì bên A phải thông báo cho bên B trong thời gian từ 3 - 5 ngày sau khi nhận hàng. Sau thời gian trên, bên B sẽ từ chối nhận lại hàng vì bất cứ nguyên nhân nào.

Điều 4: ĐÓNG GÓI, VẬN CHUYỂN VÀ GIAO HÀNG

4.1. Đóng gói: Sản phẩm được đóng gói theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn khi vận chuyển.

4.2. Thời gian giao hàng: Bên B có trách nhiệm giao hàng theo đúng thời gian đã xác nhận trên “Đơn Đặt Hàng.”

4.3. Trong trường hợp hai bên thay đổi thời gian giao nhận hàng, thì bên thay đổi phải kịp thời thông báo cho bên kia được biết và xác định thời gian giao nhận hàng mới.

4.4. Địa điểm giao hàng: Tại địa chỉ của bên A tại Tp. Hà Nội.

Điều 5: THANH TOÁN

5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo từng “Đơn Đặt Hàng”.

5.2. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B trong thời gian không quá 30 -90 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng và các giấy tờ, hóa đơn chứng từ hợp lệ (nếu có).

5.3. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm theo thời hạn trên, Bên A có trách nhiệm trả lãi cho bên B theo mức lãi quá hạn do Ngân Hàng Vietcombank công bố tại thời điểm thanh toán.

5.4. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên B.

Điều 6: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 6.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng này, chủ động trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện và thông báo các vấn đề phát sinh để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết, đảm bảo lợi ích của cả hai bên.
- 6.2. Việc điều chỉnh hoặc hủy bỏ hợp đồng phải được sự thống nhất và xác nhận bằng văn bản của cả hai bên.
- 6.3. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng kinh tế.
- 6.4. Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc thì các bên chủ động bàn bạc thống nhất biện pháp giải quyết với tinh thần hợp tác. Trường hợp hai bên không thể tự giải quyết, vấn đề sẽ được đưa ra Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hà Nội. Phán quyết cuối cùng của tòa án sẽ là cơ sở để hai bên thực hiện. Bên thua kiện sẽ chịu mọi án phí.
- 6.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi một trong hai bên có thông báo bằng văn bản gửi cho bên kia đề nghị chấm dứt hợp đồng.
- 6.6. Hợp đồng này gồm 03 (ba) trang, được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CAO VIỆT ANH

GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B



HUỲNH VĂN DANH

GIÁM ĐỐC



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 1200528906

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 01 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 26 tháng 06 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VINH HIẾN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 1102, Ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0919322012

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 25.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: HUỖNH VĂN DANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 08/06/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082068014220

Ngày cấp: 02/01/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: HUỖNH VĂN DANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 08/06/1968

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 082068014220

Ngày cấp: 02/01/2023

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền
Giang, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Ấp Bình Hòa Đông, Xã Bình Nhì, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền
Giang, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Dương Công Định



ISOCERT

Hải Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400163-HACCP

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG PHÂN TÍCH MỐI NGUY VÀ ĐIỂM KIỂM SOÁT TỐI HẠN CỦA
CÔNG TY TNHH VINH HIỂN

Trụ sở và Nhà xưởng 1: 1102 Ấp Thanh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Ấp Thanh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

HACCP CODEX 2020
(CXC 1-1969, Rev2020/TCVN 5603:2023)

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Xay xát, lau bóng, tách màu, sàng, đóng gói và kinh doanh gạo.

(Mã ngành: CIV, FI)

Ngày chứng nhận lần đầu	: 23.08.2019
Ngày chứng nhận lần hai	: 24.08.2022
Ngày chứng nhận	: 18.08.2025
Ngày phát hành	: Lần 8 - 18.08.2025
Ngày hết hạn	: 17.08.2028
Chi tiết tại quyết định số	: 180825.03/QĐ-ISOCERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
8935293400163



VICAS 067-FSMS



ISOCERT
HACCP CODEX 2020



ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>



ISOCERT

Hải Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 8935293400163-FSMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA
CÔNG TY TNHH VINH HIỂN

Trụ sở và Nhà xưởng 1: 1102 Ấp Thạnh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Địa điểm kinh doanh: Ấp Thạnh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Xay xát, lau bóng, tách màu, sàng, đóng gói và kinh doanh gạo.

(Mã ngành: CIV, FI)

Ngày chứng nhận	: 18.08.2025
Ngày phát hành	: 18.08.2025
Ngày hết hạn	: 17.08.2028
Chi tiết tại quyết định số	: 180825.02/QĐ-ISOCERT



Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
8935293400163



VICAS 067-FSMS



ISO 22000:2018



ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: <https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội

Hotline: 1900.636.538, VPHN: 02473.036.538, VPHCM: 02873.056.538, Email: contacts@isocert.org.vn, Website: <http://isocert.org.vn>

Đồng Tháp, ngày 23 tháng 5 năm 2026

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 05/2026/XNKTATTP-VINHHIEN

Căn cứ pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm, căn cứ tình hình sản xuất của công ty;

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức an toàn thực phẩm;

Tên cơ sở/tổ chức kinh doanh: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

- Trụ sở và địa điểm sản xuất: Ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp
- Mã số doanh nghiệp: 1200528906
- Điện thoại: 0919322012

Xác nhận các ông/bà (có tên trong danh sách kèm theo) đã được tập huấn kiến thức về ATTP và đã đạt kết quả kiểm tra theo đúng quy định.

Giấy xác nhận kiến thức này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và chỉ có giá trị áp dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh nông sản tại công ty.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Bộ phận trực thuộc công ty;
- Lưu HC-TH.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Danh



DANH SÁCH

ĐƯỢC XÁC NHẬN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Kèm theo Giấy xác nhận tập huấn kiến thức về ATTP số: 05/2026/XNKTATTP-VINHHIEN

STT	HỌ VÀ TÊN	NAM	NỮ	NĂM SINH	CMND/CCCD	CHỨC VỤ
1	Huỳnh Văn Danh	X		1968	082068014220	Giám đốc
2	Ngô Minh Kha	X		1993	082093000543	Nhân viên
3	Nguyễn Thế Hùng	X		1994	082094008070	Nhân viên
4	Trần Nguyễn Hải Triều	X		1996	082096003906	Nhân viên
5	Vương Minh Nhật	X		1983	082083017567	Nhân viên
6	Lê Thanh Nghĩa	X		1984	082084011964	Nhân viên



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE
(DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN)



ngưng 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế)

- Họ và tên (viết chữ in hoa): HIỆNH VÂN DANH
- Giới: Nam ☒ Nữ ☐
- Sinh ngày 08 tháng 06 năm 1968; Tuổi:
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 082068014220
- Cấp ngày 02 / 01 / 2023 tại Cục QLHC về TTXH
- Chỗ ở hiện tại: Xã Hồng Sơn, tỉnh Đồng Tháp

* **Lưu ý:** Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có sổ định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) Số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe: Bệnh nhân

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không :

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒

5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim – mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày ngày to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ):	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thị Anh Văn Đan

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 165 cm; - Cân nặng: 65 Kg; - Chỉ số BMI: 23.9
 - Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 120/70 mmHg
 Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	Bình thường
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	BS. Châu Thị Diệp Trinh
	Phân loại	
đ)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	Hạn chế vận động chỉ di chuyển đi đứng SBL
	Phân loại	
g)	Thần kinh	Suy
	Phân loại	
h)	Tâm thần	BS. Nguyễn Thị Thùy An
	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu: - Ngoại khoa: Phân loại: - Da liễu: Phân loại:	BS. Phạm Ngọc Hồng Yên
3.	Sản phụ khoa: Phân loại:	
4.	Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải..... Mắt trái..... Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		BS. Phạm Ngọc Hồng Yên
Các bệnh về mắt (nếu có): Phân loại:		



5. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường.....m; Nói thầm.....m	
Tai phải: Nói thường.....m; Nói thầm.....m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có): <u>Amiđal Viêm</u>	
Phân loại:	BS. CKI. Huỳnh Thị Út
6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:	
Hàm dưới: <u>khí thường</u>	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại:	BS. CKI. Huỳnh Thị Út

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT (GOT): ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

- Phân loại sức khỏe: II
- Các bệnh, tật (nếu có):



ngày 22 tháng 05 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CKI. Nguyễn Thị Hồng Phượng

Số: 751/GKSK/82265/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGO MINH KHA
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 10 tháng 04 năm 1993 (Tuổi: 33)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 0820 9300 0543
5. Cấp ngày: 02 / 04 / 2021
Tại: TRƯỜNG CVC CÁN BỘ GAT QHIC VỀ TXH
6. Chỗ ở hiện tại: Ấp Koi An, Xã Long Sơn, Quận Long Thành
7. Lý do khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không
b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Long Sơn, Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ngô Minh Kha

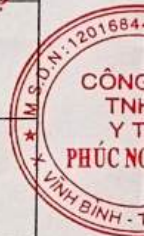
I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 155 cm; - Cân nặng: 44 kg; - Chỉ số BMI: 18
 - Mạch: 86 lần/phút; - Huyết áp: 110/60 mmHg
 Phân loại thể lực: D

II. KHÁM LÂM SÀNG

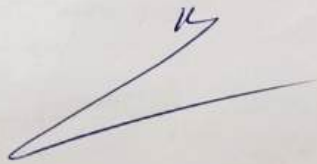
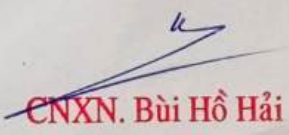
BS. CK1. Phạm Thị Kim Oanh

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	BÌNH THƯỜNG D	BS. Phạm Hùng Thọ
Phân loại		
b) Hô hấp		
Phân loại		
c) Tiêu hóa	BÌNH THƯỜNG D	BS. Nguyễn Ngọc An
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu	BÌNH THƯỜNG D	BS. Trần Thị Tuyết Nga
Phân loại		
e) Nội tiết	BÌNH THƯỜNG D	BS. Nguyễn Ngọc An
Phân loại		
f) Cơ - xương - khớp	BÌNH THƯỜNG D	BS. Phan Thanh Tùng
Phân loại		
g) Thần kinh	BÌNH THƯỜNG D	BS. Phan Thanh Tùng
Phân loại		
h) Tâm thần	BÌNH THƯỜNG D	BS. Phan Thanh Tùng
Phân loại		
Ngoại khoa, Da liễu:		BS. Phan Thanh Tùng
- Ngoại khoa: BÌNH THƯỜNG D		
2. Phân loại:		BS. Phan Thanh Tùng
- Da liễu: BÌNH THƯỜNG D		
Phân loại:		BS. Phan Thanh Tùng
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		BS. Phan Thanh Tùng



4. Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải... 10/40... Mắt trái... 10/40. Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....	
Các bệnh về mắt (nếu có):..... Phân loại:.....	
BÌNH THƯỜNG BS. Mai Hoàng Việt	
5. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực: Tai trái: Nói thường..... m; Nói thầm..... m Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m	
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... Phân loại:.....	
BÌNH THƯỜNG BS. CK1. Ngô Thị Tấn	
6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên..... Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... Phân loại:.....	
BÌNH THƯỜNG BS. Nguyễn Thị Ngọc Lâm	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: $4,67 \times 10^{12}/L$ Số lượng Bạch cầu: $6,9 \times 10^9/L$ Số lượng tiểu cầu: $332 \times 10^9/L$ b) Sinh hóa máu: Đường máu: $5,3 \text{ mmol/L}$ Urê: $3,9 \text{ mmol/L}$ Creatinin: $102,8 \text{ } \mu\text{mol/L}$ ASAT(GOT): $23,5 \text{ U/L}$ ALAT (GPT): $24,9 \text{ U/L}$	 CNXN. Bùi Hồ Hải
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	 CNXN. Bùi Hồ Hải



3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):

XQ tim phổi BÌNH THƯỜNG

Thu

BS. Phạm Hùng Thọ

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

Đ

2. Các bệnh, tật (nếu có):

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE

LÀM VIỆC VÀ HỌC TẬP

Đã khám, Ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS CK I Phạm Thị Kim Oanh

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE
(DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN)

(Kèm theo Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Y tế)



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): LÊ THANH NGHĨA
2. Giới: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1981; Tuổi: 43
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/Định danh CD: 082 084 011 964
5. Cấp ngày 10 / 10 / 2022 tại Cục cảnh sát
6. Chỗ ở hiện tại: Ấp Thanh Phong, Phú Thạnh, Đồng Tháp

Lưu ý: Trường hợp đối tượng KSK có CCCD gắn chip hoặc có số định danh công dân đã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, phần HÀNH CHÍNH nêu trên chỉ cần ghi các mục (1) Họ và tên, (3) Ngày tháng năm sinh, (4) Số định danh công dân.

7. Lý do khám sức khỏe: Đợt sàng lọc

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không :

STT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒

5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim – mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày ngày to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ):	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

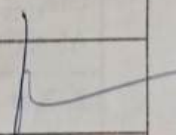
Trần Nguyễn
Trần Nguyễn



I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 1,70 cm; - Cân nặng: 60,0 Kg; - Chỉ số BMI:
 - Mạch: 82 lần/phút; - Huyết áp: 130/80 mmHg
 Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	BS. Châu Thị Diệp Trinh
	Phân loại	
d)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	
	Phân loại	
g)	Thần kinh	Nguyễn Thị Hồng Phương
	Phân loại	
h)	Tâm thần	
	Phân loại	
2.	Ngoại khoa, Da liễu:	
	- Ngoại khoa:	
	Phân loại:	
	- Da liễu:	
	Phân loại:	BS. Phạm Ngọc Hồng Yên
3.	Sân phụ khoa:	
	Phân loại:	
4.	Mắt	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải <u>10/10</u> Mắt trái <u>10/10</u> Có kính: Mắt phải <u>10/10</u> Mắt trái <u>10/10</u>		
Các bệnh về mắt (nếu có): <u>kinh thường</u>		
Phân loại: <u>I</u>		



5. Tai - Mũi - Họng	
Kết quả khám thính lực:	
Tai trái: Nói thường.....	15m; Nói thầm.....m
Tai phải: Nói thường.....	10m; Nói thầm.....m
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):	
Phân loại:	
6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:	
Hàm dưới:	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại:	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC:	luyen CN. Bùi Thị Ngọc Tuyền
Số lượng Bạch cầu:	
Số lượng tiểu cầu:	
b) Sinh hóa máu:	
Đường máu:	luyen CN. Bùi Thị Ngọc Tuyền
Urê:	
ASAT (GOT):	
Creatinin:	luyen CN. Bùi Thị Ngọc Tuyền
ALAT (GPT):	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường:	
b) Protein:	
c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	
.....	
.....	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:
2. Các bệnh, tật (nếu có):

TÌM TRÓI BÌNH THƯỜNG

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC GÒ CÔNG TÂY
SỨC KHỎE TỐT

ngày 04 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CK I. Nguyễn Thị Hồng Phượng

Số: 44.2/GKSK/82265/25

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THẾ HÙNG
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 12 tháng 08 năm 1994 (Tuổi: 31)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/dịnh danh CD: 0820 9400 8070
5. Cấp ngày: 01 / 05 / 2021
Lý do khám: Tiêu chảy, Cúm, Đau bụng, Sốt, Đau đầu, Viêm họng
Chỗ ở hiện tại: Ấp Bình Hưng, xã Vĩnh Bình, tỉnh Đồng Tháp
Lý do khám sức khỏe: Bà' Sung, Hô - Sơ



TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiểu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Ami Sinh, Ngày 19 tháng 12 năm 2025

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe

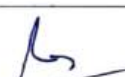
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thế Hùng

I. KHÁM THÊ LỰC

- Chiều cao: 169.....cm; - Cân nặng: 80..... kg; - Chỉ số BMI: 28.01
 - Mạch: 77.....lần/phút; - Huyết áp: 120/70..... mmHg
 Phân loại thể lực : 2

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1.	Nội khoa	
a)	Tuần hoàn	 BS. Phạm Hùng Thọ
	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	
	Phân loại	 BS. Nguyễn Ngọc An
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
d)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	 BS. Nguyễn Ngọc An
	Phân loại	
g)	Thần kinh	 BS. Trần Thị Tuyết Nga
	Phân loại	
h)	Tâm thần	 BS. Trần Thị Tuyết Nga
	Phân loại	
Ngoại khoa, Da liễu:		 BS. Nguyễn Ngọc An
- Ngoại khoa: <u>BÌNH THƯỜNG</u>		
2.	Phân loại: <u>2</u>	
- Da liễu: <u>BÌNH THƯỜNG</u>		
	Phân loại: <u>2</u>	
Sản phụ khoa		 BS. Phan Thanh Tùng
3.	Phân loại: <u>2</u>	



4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải: $4/4$ Mắt trái: $4/4$

Có kính: Mắt phải:..... Mắt trái:.....

Các bệnh về mắt (nếu có):..... **BÌNH THƯỜNG**

Phân loại:..... 2

BS. Mai Hoàng Việt

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường..... 5 m; Nói thầm..... $0,5$ m

Tai phải: Nói thường..... 5 m; Nói thầm..... $0,5$ m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... **BÌNH THƯỜNG**

Phân loại:..... 2

BS. CK1. Ngô Thị Tấn

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên:..... $1/5$

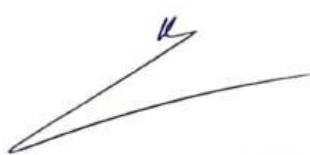
Hàm dưới:..... $1/5$

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... **BÌNH THƯỜNG**

Phân loại:..... 2

BS. Nguyễn Thị Ngọc Lâm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: $4,72 \times 10^{12}/L$ Số lượng Bạch cầu: $10,7 \times 10^9/L$ Số lượng tiểu cầu: $331 \times 10^9/L$ b) Sinh hóa máu: Đường máu: $5,6 \text{ mmol/L}$ Urê: $4,7 \text{ mmol/L}$ Creatinin: $88,6 \text{ } \mu\text{mol/L}$ ASAT(GOT): $30,8 \text{ U/L}$ ALAT (GPT): $56,5 \text{ U/L}$	 CNXN. Bùi Hồ Hải
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường:..... b) Protein:..... c) Khác (nếu có):.....	 CNXN. Bùi Hồ Hải

3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):

KHÔNG YÊU CẦU

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe: I

2. Các bệnh, tật (nếu có): HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE
LÀM VIỆC VÀ HỌC TẬP

Ông Sơn, Ngày 15 tháng 12 năm 2022.

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CKI. Phạm Thị Kim Oanh

Số: 746/GKSK/82265/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): TRẦN NGUYỄN HẢI TRIỀU
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 01 tháng 05 năm 1996 (Tuổi: 30)
4. Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 0820 9600 3906
5. Cấp ngày: 12 / 04 / 2022
6. Chỗ ở hiện tại: CVC TRƯỜNG CVC CÁN SÁT Q.HIC VỀ TTXH
Ấp Hòa Bình, Xã Đồng Sơn, Huyện Đồng Tháp
Lý do khám sức khỏe: Đi làm



TIỀN SỬ GIA ĐÌNH
TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Đồng Sơn, Ngày 02 tháng 05 năm 2026

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Trần

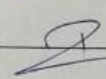
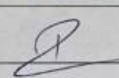
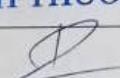
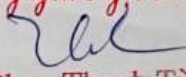
Trần Nguyễn Hải Triều

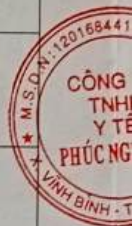
I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 172 cm; - Cân nặng: 70 kg; - Chỉ số BMI: 23.6
 - Mạch: 68 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 80 mmHg
 Phân loại thể lực: B

II. KHÁM LÂM SÀNG

BS. CK1. Phạm Thị Kim Oanh

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
Nội khoa		
1.	Tuần hoàn	 BS. Phạm Hùng Thọ
a)	Phân loại	
b)	Hô hấp	
	Phân loại	
c)	Tiêu hóa	BÌNH THƯỜNG 
	Phân loại	
d)	Thận-Tiết niệu	
	Phân loại	
d)	Nội tiết	
	Phân loại	
e)	Cơ - xương - khớp	BÌNH THƯỜNG 
	Phân loại	
g)	Thần kinh	
	Phân loại	
h)	Tâm thần	BÌNH THƯỜNG 
	Phân loại	
Ngoại khoa, Da liễu:		 BS. Nguyễn Ngọc An  BS. Phan Thanh Tùng
- Ngoại khoa: BÌNH THƯỜNG		
2.	Phân loại: 	
- Da liễu: BÌNH THƯỜNG		
	Phân loại: 	
3.	Sản phụ khoa	
	Phân loại	



4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải... $10/10$ Mắt trái... $10/10$

Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....

Các bệnh về mắt (nếu có):..... BÌNH THƯỜNG.....

Phân loại:..... 2.....

BS. Mai Hoàng Việt

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường... 105 m; Nói thầm... 105 m

Tai phải: Nói thường... m; Nói thầm... m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... BÌNH THƯỜNG.....

Phân loại:..... 2.....

BS. CK1. Ngô Thị Tấn

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên... 105 m

Hàm dưới:.....

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):..... BÌNH THƯỜNG.....

Phân loại:..... 2.....

BS. Nguyễn Thị Ngọc Lâm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám

Họ tên, chữ ký của Bác sỹ

1. Xét nghiệm máu:

a) Công thức máu:

Số lượng HC: $49 \times 10^{12}/L$

Số lượng Bạch cầu: $9,3 \times 10^9/L$

Số lượng tiểu cầu: $264 \times 10^9/L$

b) Sinh hóa máu: Đường máu: $6,3 \text{ mmol/L}$

Ure: $4,8 \text{ mmol/L}$ Creatinin: $101,2 \text{ } \mu\text{mol/L}$

ASAT(GOT): $22,9 \text{ U/L}$ ALAT (GPT): $26,3 \text{ U/L}$

CNXN. Bùi Hồ Hải

2. Xét nghiệm nước tiểu:

a) Đường:.....

b) Protein:..... ÂM TÍNH.....

c) Khác (nếu có):.....

CNXN. Bùi Hồ Hải

3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):

Xả trìn phổi

BÌNH THƯỜNG

BS. Phạm Hùng Thọ

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

2

2. Các bệnh, tật (nếu có):

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE

LÀM VIỆC VÀ HỌC TẬP

Đông Hải, Ngày 02 tháng 02 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS CKI Phạm Thị Kim Oanh

Số: 752/GKSK/82265/26

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN MINH NHẬT
2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐
3. Sinh Ngày: 01 tháng 01 năm 1983 (Tuổi: 43)
4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 0820 8301 7567
5. Cấp ngày: 18 / 12 / 2021
6. Chỗ ở hiện tại: TRƯỜNG CỤC CÁN SÁT QUÂN VỆ TXH
Ấp Hòa An xã Long Bình, tỉnh Đồng Tháp
Lý do Khám sức khỏe: Đi làm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐ ; Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	STT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Đồng Sơn, Ngày 02 tháng 03 năm 2026

Người đề nghị khám sức khỏe

(Ký và ghi rõ họ, tên)

nhật

Vương Minh nhật

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 170 cm; - Cân nặng: 78 kg; - Chỉ số BMI: 26.9
 - Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 120/80 mmHg
 Phân loại thể lực: II

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
Nội khoa		
1. Tuần hoàn		
a) Phân loại		
b) Hô hấp		
Phân loại	BÌNH THƯỜNG	<u>Thư</u>
c) Tiêu hóa		
Phân loại		BS. Phạm Hùng Thư
d) Thận-Tiết niệu		
Phân loại		
e) Nội tiết		
Phân loại		
f) Cơ - xương - khớp		
Phân loại	BÌNH THƯỜNG	<u>Nguyễn Ngọc An</u>
g) Thần kinh		
Phân loại		
h) Tâm thần		
Phân loại	BÌNH THƯỜNG	<u>Trần Thị Tuyết Nga</u>
Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:	BÌNH THƯỜNG	
2. Phân loại:		
- Da liễu:	BÌNH THƯỜNG	
Phân loại:		BS. Nguyễn Ngọc An
3. Sân phụ khoa		
Phân loại:		BS. Phan Thanh Tùng



4. Mắt:

Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải... 10/10 Mắt trái... 10/10.

Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....

Các bệnh về mắt (nếu có): BÌNH THƯỜNG

Phân loại:.....

BS. Mai Hoàng Việt

Kết quả khám thính lực:

Tai trái: Nói thường...../115..... m; Nói thầm...../115..... m

Tai phải: Nói thường..... m; Nói thầm..... m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):..... BÌNH THƯỜNG

Phân loại:.....

BS. CK1. Ngô Thị Tấn

Kết quả khám: Hàm trên..... / 21. 08

Hàm dưới:.....

Đặc bệnh về răng hàm mặt (nếu có):... ML 9.5

Phân loại:.....

BS. Nguyễn Thị Ngọc Tâm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

1. Xét nghiệm máu:

a) Công thức mẫu:

Số lượng HC: $4,51 \times 10^{12} \text{ L}$

Số lượng Bạch cầu: $5,6 \times 10^9/L$

Số lượng tiểu cầu: $327 \times 10^9/L$

b) Sinh hóa máu: Đường máu: 5,0 mmol/L

Urê: $4,8 \text{ mmol/L}$ Creatinin: $109,7 \text{ } \mu\text{mol}$

ASAT(GOT): 23,1 U/L ALAT (GPT): 38,9 U/L

CNXN. Bùi Hồ Hải

2. Xét nghiệm nước tiểu:

a) Đường:

b) Protein:

c) Khác (nếu có): **ÂM TÍNH**

CNXN. Bùi Hồ Hải

3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):

XQ tim phổi

BÌNH THƯỜNG

BS. Phạm Hùng Thọ

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:

Đ

2. Các bệnh, tật (nếu có):

HIỆN TẠI ĐỦ SỨC KHỎE
LÀM VIỆC VÀ HỌC TẬP

Đông Anh, Ngày 02 tháng 03 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



BS. CK1 Phạm Thị Kim Oanh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VH/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Địa chỉ: Số 1102, Quốc Lộ 50, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại: (028) 665 999 27

E-mail: info@gaovinhvien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200528906

Số giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo điều 12 nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm. Công ty đã được cấp giấy chứng nhận hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn số 8935293400163-HACCP.

Ngày chứng nhận lần đầu: 23.08.2019

Ngày chứng nhận: 24/08/2022

Ngày phát hành: Lần 2 – 07.09.2023

Ngày hết hạn: 23.08.2025

Chi tiết tại quyết định số: 07092307/QĐ-ISOCERT

Nơi cấp: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định quốc tế ISOCERT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo 5% tấm

2. Thành phần: Gạo

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm (ngày/tháng/năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

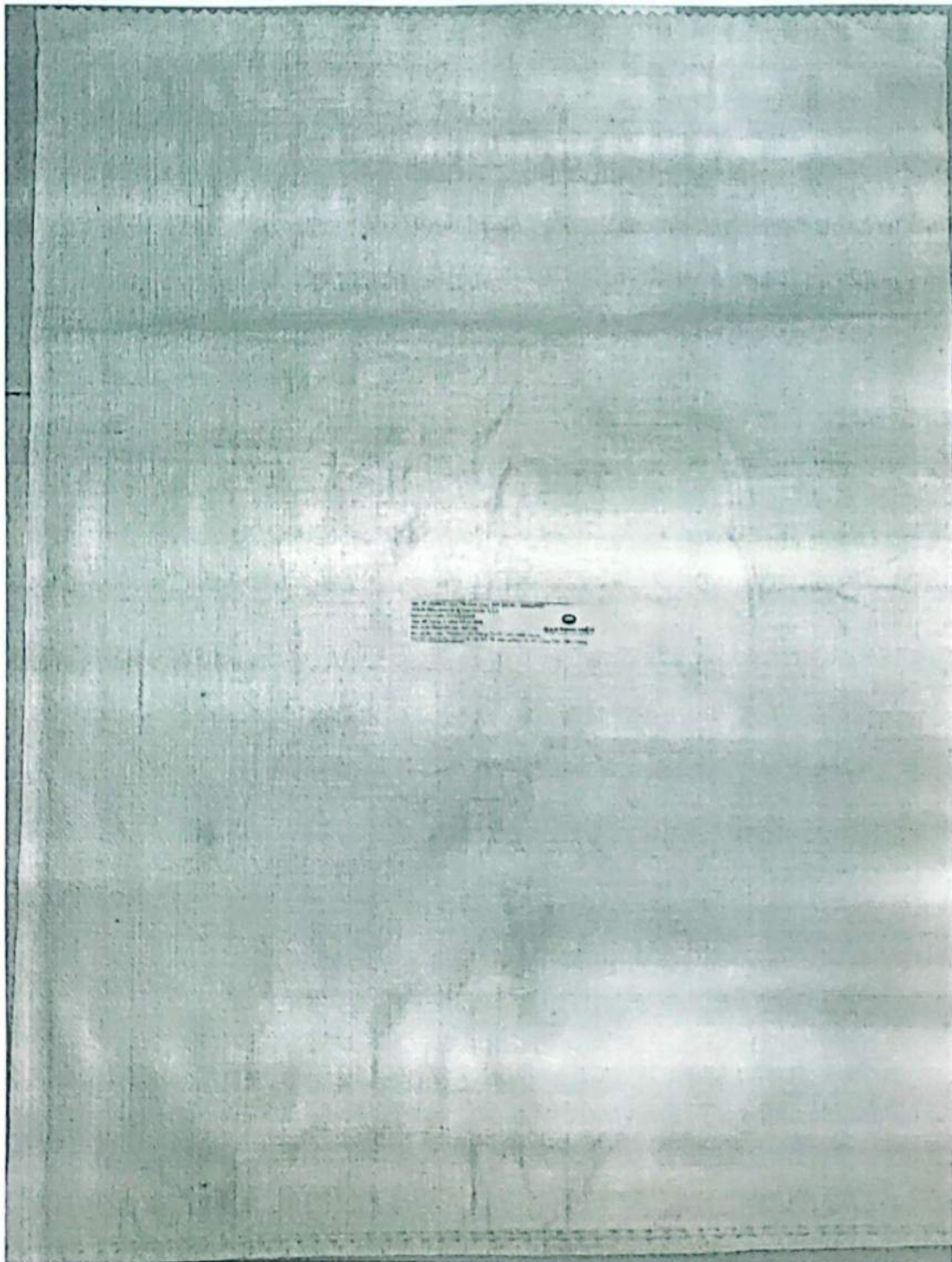
-Đóng gói PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1: 2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn:

0,5kg; 1kg; 2kg; 2,5kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.

- Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP dệt đạt tiêu chuẩn QCVB 12-1:2011/BYT về chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 5kg; 9kg; 10kg; 15kg; 18kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất)

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)



Nội dung ghi nhãn dự kiến:

Gạo 5% tằm

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Văn phòng giao dịch: Lầu 10, Tòa nhà Beautiful Sài Gòn, Số 02 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất và đóng gói tại NHÀ MÁY VINH HIỀN

Địa chỉ: 1102 Quốc lộ 50, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Khối lượng tịnh: In trên bao bì

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng:

Bước 1: Vo gạo 2 lần bằng nước sạch

Bước 2: Đong nước và gạo tằm với tỷ lệ 1 gạo 1,2-1,5 chén nước.

Bước 3: Cho vào nồi cơm và cắm điện. Nên chọn chế độ nấu lâu (30 – 45 phút) để hạt cơm được chín kỹ và nở to hơn.

Bước 4: Dùng cơm nóng sẽ ngon hơn. Chúc gia đình có những bữa cơm ngon

Lưu ý: Bạn có thể thêm hoặc giảm lượng nước nếu thấy cơm khô hoặc nhão nhiều.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm thấp, mối mọt.

Đậy kín nắp thùng sau khi lấy gạo.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Luật số 55/2010/QH12 của Quốc Hội ban hành “Luật an toàn thực phẩm”
- Nghị định 15/2018/NĐ-CP của Chính Phủ ban hành “Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm”;
- Quyết định số 50/2016/TT-BYT của Bộ Y Tế về “Quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm”
- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

- QCVN 8-2: 2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP của Chính Phủ quy định về nhãn hàng hoá.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tiền Giang, ngày 02 tháng 01 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Huỳnh Văn Danh

Trang/ Page No: 1/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233A0225

Mã KQ/ RP. No: 001000861.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN VINH HIẾN FARM
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Số 02 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành Phố Hồ Chí Minh
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 29/12/2023
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 29/12/2023 - 01/01/2024
5. Thông tin mẫu/ Information of Sample (c) : Gạo 5%
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong túi zip kín
7. Bảng kết quả/ Results Table :

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
1	Tám/ Broken kernel	2.39	%	-	TS-KT-HCB-012.2023 (Ref. TCVN 11888:2017)
2	Hexaconazole (*)	Vết 0.005 (< LOQ = 0.010)	mg/kg	0.003	TS-KT-SK-09:2020
3	Asen (As) (*)/ Arsenic (As) (*)	0.060	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
4	Cadimi (Cd) (*)/ Cadmium (Cd) (*)	0.014	mg/kg	-	TS-KT-QP-27:2021
5	Chì (Pb) (*)/ Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/kg	0.003	TS-KT-QP-27:2021
6	Aflatoxin B ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
7	Aflatoxin (tổng B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)/ Aflatoxin (sum of B ₁ , B ₂ , G ₁ , G ₂) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
8	Aflatoxin B ₂ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
9	Aflatoxin G ₁ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
10	Aflatoxin G ₂ (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/kg	0.15	TS-KT-SK-38:2019 (Ref. TCVN 10638:2014)
11	Nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Chlor hữu cơ (*)/ Group of Organochlorine pesticides (*) ⁽¹⁾	Không phát hiện/ Not Detected	-	-	TS-KT-SK-14:2020
12	Nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Lân hữu cơ (*)/ Group of Organophosphate pesticides (*) ⁽¹⁾	Không phát hiện/ Not Detected	-	-	TS-KT-SK-14:2020

TSL SCIENCE CO., LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép lung phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233A0225

Mã KQ/ RP. No: 001000861.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result(s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method
13	Nhóm dư lượng thuốc bảo vệ thực vật họ Cúc (*)/ Group of Pyrethroid pesticides (*) ⁽¹⁾	Không phát hiện/ Not Detected	-	-	TS-KT-SK-14:2020

Chú thích/ Remarks:

⁽¹⁾: Các thuốc BVTV (phụ lục đính kèm) nếu không được liệt kê bên trên thì có kết quả dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp/ Tested items (attached list) have their result under the method's limit of detection, unless listed above

- (*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017./ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (**) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.
- GHPH: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ LOD: Limit of detection.
- GHDL: Giới hạn định lượng của phương pháp./ LOQ: Limit of quantification.
- Mẫu do khách hàng cung cấp./ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR



TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép lung phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 3/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233A0225

Mã KQ/ RP. No: 001000801.00

PHỤ LỤC THUỐC BVTV ĐÃ ĐƯỢC KIỂM NGHIỆM TRÊN MẪU:

STT No.	CHẤT PHÂN TÍCH Parameters	LOD (mg/kg)
I.	Thuốc BVTV họ Chlor hữu cơ/ Organochlorines pesticide residues	
1	2,4'-DDD (*)	0.003
2	2,4'-DDE (*)	0.003
3	2,4'-DDT (*)	0.003
4	4,4'-DDD (*)	0.003
5	4,4'-DDE (*)	0.003
6	Acetochlor (*)	0.003
7	Aldrin (*)	0.003
8	Alpha-Lindane (*)	0.003
9	Beta-Lindane (*)	0.003
10	Butachlor (*)	0.003
11	Dieldrin (*)	0.003
12	Dicofol (*)	0.003
13	Endosulfan I (*)	0.003
14	Endosulfan II (*)	0.003
15	Endosulfan sulfate (*)	0.003
16	Endrin (*)	0.003
17	Endrin aldehyde (*)	0.003
18	Endrin ketone (*)	0.003
19	Gamma-Lindane (*)	0.003
20	Heptachlor (*)	0.003
21	Heptachlor epoxide (*)	0.003
22	Hexachlorobenzene (*)	0.003
23	Isobenzan (Telodrin) (*)	0.003
24	Isodrin (*)	0.003
25	Pretilachlor (*)	0.003
26	Propisochlor (*)	0.003

STT No.	CHẤT PHÂN TÍCH Parameters	LOD (mg/kg)
II.	Thuốc BVTV họ lân hữu cơ/ Organophosphates pesticide residues	
1	Azinphos-Ethyl (*)	0.003
2	Azinphos-Methyl (*)	0.003
3	Bromophos-ethyl (*)	0.003
4	Bromophos-methyl (*)	0.003
5	Cadusafos (*)	0.003
6	Chlorpyrifos-ethyl (*)	0.003
7	Chlorpyrifos-methyl (*)	0.003
8	Diazinon (*)	0.003
9	Dichlorvos (*)	0.003
10	EPN (*)	0.003
11	Ethion (*)	0.003
12	Fenamiphos (*)	0.003
13	Fenitrothion (*)	0.003
14	Iprobenfos (*)	0.003
15	Malathion (*)	0.003
16	Methamidophos (*)	0.003
17	Naled (*)	0.003
18	Parathion-ethyl (*)	0.003
19	Parathion-methyl (*)	0.003
20	Phenthoate (*)	0.003
21	Phorate (*)	0.003
22	Profenofos (*)	0.003
23	Propetamphos (*)	0.003
24	Quinalphos (*)	0.003
25	Triazophos (*)	0.003

S-01-L
GT M
IGI M
SI
HÀ NH
Y T NH
HOC
SI
PHI CH

TSL SCIENCE CO., LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 4/4

Ngày ban hành/ Date of issue: 01/01/2024

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ Ref. No: 1Y233A0225

Mã KQ/ RP. No: 001000861.00

PHỤ LỤC THUỐC BVTV ĐÃ ĐƯỢC KIỂM NGHIỆM TRÊN MẪU:

STT No.	CHẤT PHÂN TÍCH Parameters	LOD (mg/kg)
III.	Thuốc BVTV họ Cúc/ <i>Pyrethroid pesticides residues</i>	
1	Allethrin (*)	0.003
2	Benfluralin (*)	0.003
3	Bifenthrin (*)	0.003
4	Cyfluthrin (*)	0.003
5	Cyhalothrin (lambda + gamma) (*)	0.003
6	Cypermethrin (*)	0.003
7	Deltamethrin (*)	0.003
8	Ethafuraline (*)	0.003
9	Etofenprox (Ethofenprox) (*)	0.003
10	Fenfluthrine (*)	0.003
11	Fenpropathrin (*)	0.003
12	Fenvalerate (*)	0.003
13	Flucythrinate (*)	0.003
14	Flumetralin (*)	0.003
15	Fluvalinate (*)	0.003
16	Permethrin (*)	0.003
17	Profluralin (*)	0.003
18	Resmethrin (*)	0.003
19	Tefluthrine (*)	0.003
20	Tetramethrin (*)	0.003
21	Transfluthrin (*)	0.003



[Handwritten signature]

TSL SCIENCE CO.,LTD

HCM Laboratory: 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Ca Mau Laboratory: No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

Ha Noi Laboratory: No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Q326A016528
(TPTN26002911)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 1/5

- Tên mẫu
Name of sample : **GẠO 5% TẮM**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
Xem hình kèm theo / Picture: see attached image
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/02/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/02/2026 - 02/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH VINH HIỀN**
Số 1102, Quốc lộ 50, Ấp Thạnh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / Refer to next page(s)

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A016528
(TPTN26002911)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 2/5

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ <i>Calories</i> (*)	QTTN/KT3 024:2018			
• kcal/100 g			-	352
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g <i>Protein content</i>	QUATEST3 1057:2023 Kjeldahl method		-	6,79
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ(*), g/100 g <i>Carbohydrate excluding fibre content</i>	QUATEST3 1091:2023		-	79,6
7.4. Hàm lượng chất béo, g/100 g <i>Total fat content</i>	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)		-	0,64
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g <i>Sodium content</i>	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	1,30		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.6. Độ ẩm, g/100 g <i>Moisture content</i>	TCVN 11888:2017		-	12,2
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2), µg/kg <i>Total aflatoxin (B1+B2+G1+G2) content</i>	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.8. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg <i>Aflatoxin B₁ content</i>	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện <i>Not detected</i>
7.9. Tỷ lệ tấm tính theo khối lượng, % <i>Broken kernel (m/m)</i>	TCVN 11888:2017		-	6,84

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A016528
(TPTN26002911)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 3/5

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng chì, Lead content mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng cadimi, Cadmium content mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng arsen tổng số, Total arsenic content mg/kg	TCVN 8427:2010	-		7,37 x 10 ⁻²
7.13. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, Pesticide content mg/kg				
• Dinotefuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Diflubenzuron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Dichlorvos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin (bao gồm lambda- cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cycloxydim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-Methyl	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A016528
(TPTN26002911)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 4/5

7. Kết quả thử nghiệm : Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Chlordane	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Carbendazim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbaryl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Azoxystrobin	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Acephate	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 5,95 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A016528
(TPTN26002911)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 5/5



1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bỏ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 01/VH/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH VINH HIỀN**

Địa chỉ: 1102, Ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0273 523 436

E-mail: info@gaovinhhien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200 528 906

Số Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm : 8935293400163-HACCP

Ngày cấp: 07/09/2023

Nơi cấp: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định quốc tế ISOCERT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **GẠO ST25 HARMONY**
2. Thành phần: 100% gạo trắng
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm (ngày/tháng/năm).
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Đóng gói PE, PA/PE, OPP/PE đạt tiêu chuẩn QCVN 12-1:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm bằng nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 0,5kg; 1kg; 2kg; 3kg; 4kg; 5kg; 10kg.
 - Đóng gói trong các bao bì chất liệu PP dệt đạt tiêu chuẩn QCVB 12-1:2011/BYT về chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm nhựa tổng hợp; các kích cỡ tiêu chuẩn: 5 kg; 9kg; 10kg; 15kg; 18kg; 20kg; 25kg; 30kg; 40kg; 50kg.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mặt trước:

- Logo: Gạo Vinh Hiền
- GẠO ST25 HARMONY



- Vị ngon hòa quyện
- 5KG
- Sản phẩm đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm HACCP

Mặt sau:

Câu chuyện thương hiệu:

Mỗi hạt gạo là một hành trình vị giác, mang đến cho bạn trải nghiệm tinh túy trong từng bữa cơm. Tựa hào là sự kết hợp tinh tế giữa gạo ST25 trứ danh và các loại gạo ST cao cấp khác, ST25 Harmony khoác trên mình sự dẻo dai tuyệt vời, hòa quyện cùng vị ngọt thanh mát ngất ngây.

Từ vùng đất Đồng Bằng Sông Cửu Long trù phú, ST25 Harmony ra đời như một món quà quý giá trời ban. Trải qua quy trình trồng trọt, sản xuất nghiêm ngặt và đã đạt chuẩn HACCP uy tín, mỗi hạt gạo đến tay người tiêu dùng là biết bao sự tâm huyết được trao đi. Gạo ST25 Harmony - tinh hoa hòa quyện, vị giác thăng hoa, mang sự ấm áp đến mọi gia đình.

BỮA CƠM NGON THẬT ĐƠN GIẢN

- **Bước 1:** Vo gạo nhẹ nhàng với nước sạch
- **Bước 2:** Nấu cơm với tỉ lệ 1 chén gạo và 1 chén nước
- **Bước 3:** Dùng cơm thật ngon miệng cùng với món ăn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG

Trong 100 gram gạo trắng

Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị
Năng lượng	Kcal/100g	353
Chất đạm	g/100g	8,26
Carbohydrate	g/100g	78,3
Chất béo tổng	g/100g	0,77
Natri	mg/100g	3,46
Đường tổng	g/100g	0,0
Hàm lượng dinh dưỡng không thấp hơn 80% mức công bố		

Thành phần

100% gạo trắng

Mã vạch: 8938509043421

00528
CÔNG
H NHIỆ
NH
TÂY -

Xuất xứ tại Việt Nam

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: xem trên bao bì

Thông tin cảnh báo:

Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng hoặc có dấu hiệu hư hỏng.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát. Sau khi mở túi vui lòng bảo quản túi kín.

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY TNHH VINH HIỂN

Văn Phòng Giao Dịch:

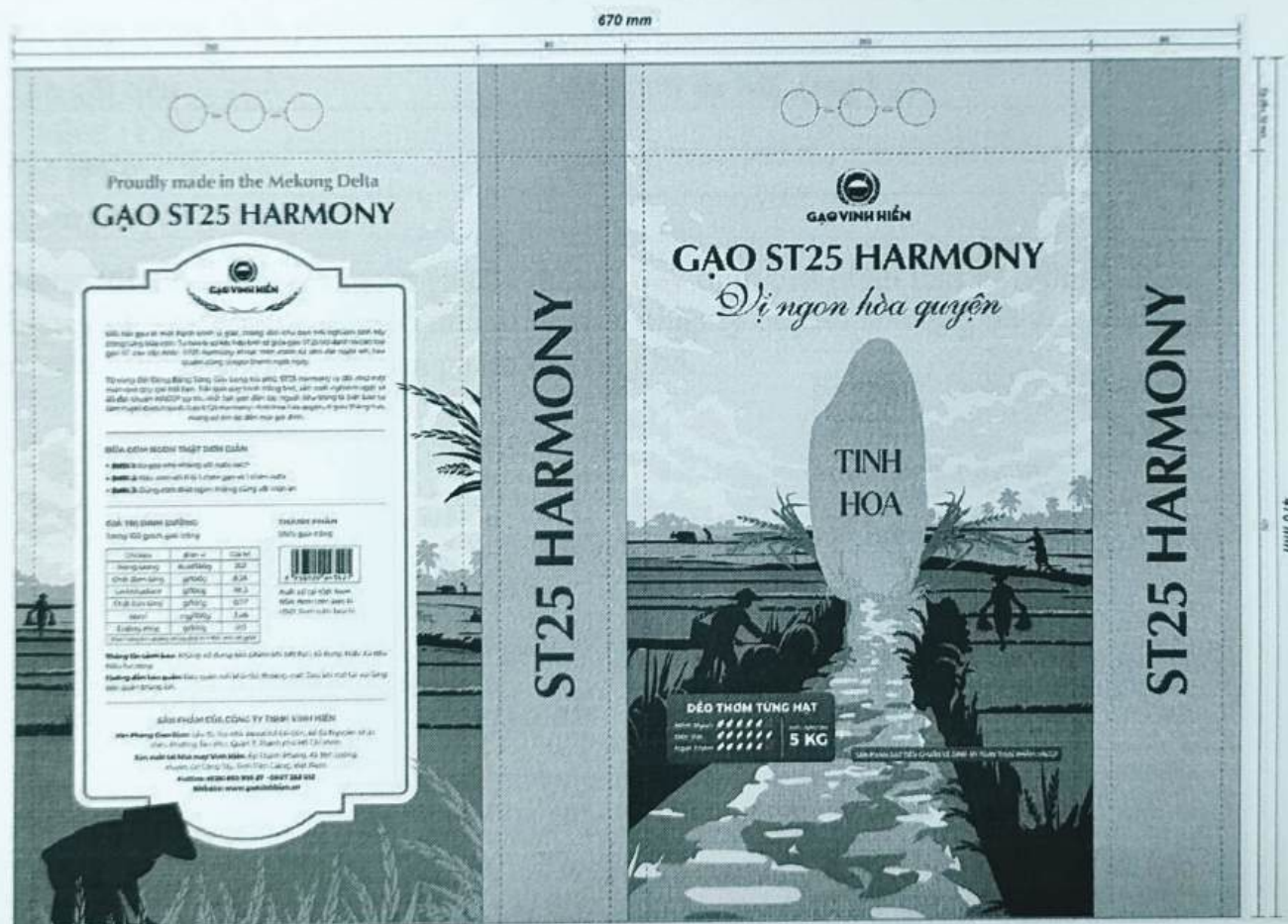
Lầu 10, Tòa nhà Beautiful Sài Gòn, Số 02 Nguyễn Khắc Viện, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sản xuất tại Nhà máy Vinh Hiển:

1102, Ấp Thạnh Phong, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Hotline: (028) 665 999 27 - 0907 282 012

Website: www.gaovinhvien.vn



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học trong thực phẩm theo tiêu chuẩn nhà sản xuất

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa (trong 1g hay 1ml thực phẩm) (*)
Tổng số vi sinh vật hiếu khí	10^6
Coliforms	10^3
E. coli	10^2
S. aureus	10^2
Cl. perfringens	10^2
B. cereus	10^2
Tổng số bào tử nấm men - nấm mốc	10^3

2. QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa ML ($\mu\text{g/kg}$)
Aflatoxin B1	5
Aflatoxin tổng số	10
Ochratoxin A	3

3. QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa ML (mg/kg)
Cadimi (Cd)	0,4
Chì (Pb)	0,2
Asen (As)	1,0

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Tiền Giang, ngày 20 tháng 03 năm 2025

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



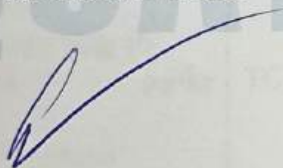
HUỲNH VĂN DANH

Q326A016526
(TPTN26002909)**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 1/4

- Tên mẫu
Name of sample : **GẠO ST25 HARMONY**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
Mẫu đựng trong túi nhựa.
As received sample is contained in plastic bag.
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receipt : 11/02/2026
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 11/02/2026 - 02/03/2026
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY TNHH VINH HIỂN**
Số 1102, Quốc lộ 50, Ấp Thạnh Phong, Xã Phú Thành, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing result (s) : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page(s)*

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM
HEAD OF FOOD TESTING LAB**Nguyễn Thành Công****TL. GIÁM ĐỐC / PP. DIRECTOR**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB**Ngô Quốc Việt**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

*Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.*2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

*This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.*5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.*Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.*

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

Q326A016526
(TPTN26002909)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 2/4

7. Kết quả thử nghiệm :
Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.1. Năng lượng/ Calories(*) • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	349
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g Protein content	QUATEST3 1057:2023 Kjeldahl method		-	7,03
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ(*), g/100 g Carbohydrate excluding fibre content	QUATEST3 1091:2023		-	78,3
7.4. Hàm lượng chất béo, g/100 g Total fat content	QUATEST3 1056:2023 (Có thủy phân)		-	0,70
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g Sodium content	QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	1,30		Không phát hiện Not detected
7.6. Độ ẩm, g/100 g Moisture content	TCVN 11888:2017		-	13,2
7.7. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B1+B2+G1+G2), µg/kg Total aflatoxin (B1+B2+G1+G2) content	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.8. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg Aflatoxin B ₁ content	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện Not detected
7.9. Tỷ lệ tấm tính theo khối lượng, % Broken kernel (m/m)	TCVN 11888:2017		-	8,24

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

BM105.02.VIL (HL: 07/07/2025)

Q326A016526
(TPTN26002909)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

02/03/2026
Trang/ Page: 3/4

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
7.10. Hàm lượng chì, Lead content	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.11. Hàm lượng cadimi, Cadmium content	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00x10 ⁻²		Không phát hiện Not detected
7.12. Hàm lượng arsen tổng số, Total arsenic content	TCVN 8427:2010	-		6,66 x 10 ⁻²
7.13. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, Pesticide content				0,01
• Dinotefuran	EN 15662:2018	-		Không phát hiện Not detected
• Diflubenzuron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Dichlorvos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Cypermethrin (bao gồm alpha- và zeta-cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cyhalothrin (bao gồm lambda- cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện Not detected
• Cycloxydim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos-Methyl	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Chlorpyrifos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

Q326A016526
 (TPTN26002909)

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

02/03/2026

Trang/ Page: 4/4

7. Kết quả thử nghiệm Test results

Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Giới hạn phát hiện Limit of Detection	Phạm vi đo Range of measurement (≥)	Kết quả thử nghiệm Test result
• Chlordane	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện Not detected
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Carbendazim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Carbaryl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected
• Azoxystrobin	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• Acephate	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện Not detected
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện Not detected

Ghi chú/ Note: Hàm lượng protein/ Protein = 5,95 x Hàm lượng nitơ tổng/ Nitrogen

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
 2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
 3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo do chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
 4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
 5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ email để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses ds.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
 6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
 The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/VH/2023

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Địa chỉ: Số 1102, Quốc Lộ 50, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang

Điện thoại: (028) 665 999 27

E-mail: info@gaovinhhhien.vn

Mã số doanh nghiệp: 1200528906

Số Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm: 8935293400163-HACCP

Ngày cấp: 24/08/2022

Nơi cấp: Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định quốc tế ISOCERT

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nếp Sáp

2. Thành phần: Nếp Sáp

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất xem trên bao bì sản phẩm (ngày/tháng/năm)

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Sản phẩm được đóng gói trong bao PA/PE, OPP, giấy Ivory, giấy Kraft kín; có khối lượng 500g, 1kg, 2kg, 3kg, 4kg, 5kg, 6kg, 7kg, 10kg, 20kg, 25kg, 50kg hoặc theo yêu cầu của khách hàng và được ghi trên nhãn bao bì sản phẩm.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trong bao PA/PE, OPP, giấy Ivory, giấy Kraft kín; bao bì sạch đảm bảo chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm bao bì sử dụng trong thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất và đóng gói tại: NHÀ MÁY VINH HIỀN

Địa chỉ: 1102 Quốc lộ 50, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Nội dung ghi nhãn dự kiến:

NẾP SÁP

Sản phẩm của CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

Văn phòng giao dịch: Lầu 10, Tòa nhà Beautiful Sài Gòn, Số 02 Nguyễn Khắc Viện,
Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Sản xuất và đóng gói tại NHÀ MÁY VINH HIỀN

Địa chỉ: 1102 Quốc lộ 50, Xã Yên Luông, Huyện Gò Công Tây, Tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Xuất xứ: Việt Nam

Khối lượng tịnh: In trên bao bì

Ngày sản xuất: In trên bao bì

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Hướng dẫn sử dụng:

Bước 1: Vo nếp 2 lần bằng nước sạch

Bước 2: Đong nước và nếp với tỉ lệ 1 gạo 1,1 chén nước.

Bước 3: Cho vào nồi cơm và cắm điện. Nên chọn chế độ nấu lâu (30 – 45 phút) để hạt nếp được chín kỹ và thơm ngon hơn.

Bước 4: Dùng cơm nóng sẽ ngon hơn. Chúc gia đình có những bữa ăn ngon.

Hướng dẫn bảo quản:

Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm thấp, mối mọt.

Đậy kín nắp thùng sau khi lấy.

Tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng mặt trời.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Quyết định 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành ngày 19 tháng 12 năm 2007;



- QCVN 8-1/2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm;
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm;
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tiền Giang, ngày 15 tháng 08 năm 2023

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



HUỲNH VĂN DANH



KT3-08855ATP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

12/09/2025
Trang 01/03

1. Tên mẫu : NẸP SÁP
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu còn nguyên bao bì và nhãn hiệu.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 05/09/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 08/09/2025 - 12/09/2025
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY TNHH VINH HIỀN
Số 1102, quốc lộ 50, ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam
7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang 02&03/03

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Phạm Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. (Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mô rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.ca@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.ca@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08855ATP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo (≥)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Năng lượng(*)	QTTN/KT3 024:2018		-	344
• kcal/100 g			-	5,82
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g	QUATEST3 1057:2023 Phương pháp Kjeldahl			
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ(*), g/100 g	QUATEST3 1091:2023		-	78,8
7.4. Hàm lượng béo, g/100 g	QUATEST3 1056:2023		-	0,62
7.5. Hàm lượng natri, g/100 g	(Có thủy phân) QUATEST3 1111:2023 (Ref: AOAC 969.23)	1,30 x 10 ⁻³		Không phát hiện
7.6. Độ ẩm tính theo khối lượng, %	TCVN 8368:2018		-	13,5
7.7. Tỷ lệ ẩm tính theo khối lượng, %	TCVN 8368:2010		-	3,04
7.8. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25		Không phát hiện
7.9. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B ₁ + B ₂ + G ₁ + G ₂), µg/kg	TCVN 7596 : 2007	0,25		Không phát hiện
7.10. Hàm lượng arsen tổng số, mg/kg	TCVN 8427 : 2010	-		3,94 x 10 ⁻²
7.11. Hàm lượng chì, mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện
7.12. Hàm lượng cadimi, mg/kg	QUATEST3 1097:2023 (Ref: AOAC 999.11)	3,00 x 10 ⁻²		Không phát hiện

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ ghes@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses ghes@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-08855ATP5/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT



09/2025
03/03

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm
7.13. Hàm lượng thuốc bảo vệ thực vật, mg/kg				
• 2,4-D	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• Acephate	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện
• Azoxystrobin	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Carbaryl	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• Carbendazim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• Carbofuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Chlorantraniliprole	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Chlordane	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• Chlorpyrifos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện
• Chlorpyrifos-methyl	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện
• Clothianidin	QUATEST3 1184:2023	0,005		Không phát hiện
• Cycloxydim	EN 15662:2018	0,01		Không phát hiện
• Cyhalothrin (bao gồm lambda - Cyhalothrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện
• Cypermethrins (bao gồm alpha- and zeta-cypermethrin)	EN 15662:2018	0,05		Không phát hiện
• Dichlorvos	EN 15662:2018	0,0025		Không phát hiện
• Diflubenzuron	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện
• Dinotefuran	EN 15662:2018	0,005		Không phát hiện

Ghi chú: Hàm lượng protein = Hàm lượng nitơ tổng x 5,95

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phản bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA

Số: /HDLK

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH1 ngày 14/6/2005 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 về liên kết sản xuất, tiêu thụ và xây dựng vùng nguyên liệu trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo;

Căn cứ Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030 theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày tháng 11 năm 2025, tại Hợp tác xã Nông nghiệp Mỹ Thành Bắc.

Chúng tôi gồm có:

BÊN A: HỢP TÁC XÃ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP MỸ THÀNH BẮC

- Do Ông: **Nguyễn Văn Việt**. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc làm đại diện.

- Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0976 153 107.

- Mã số thuế: 1201567016

BÊN B: ĐƠN VỊ LIÊN KẾT - CÔNG TY TNHH VINH HIỂN

-Do Ông: Huỳnh Văn Danh Chức vụ: Giám đốc đại diện

-Địa chỉ: số 1102, ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp

-Mã số thuế: 1200528906

-Điện thoại: 0919.322.012

Sau khi bàn bạc, trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa theo các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1.1. Hai bên đồng ý ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao phù hợp những mục tiêu Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng



ĐBSCL đến năm 2030 theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện: ấp 4, xã Mỹ Thành, Tỉnh Đồng Tháp
- Diện tích sản xuất: 50 ha
- Mùa vụ: Đông Xuân 2025 - 2026. Dự kiến xuống giống và thu hoạch: 29/11/2025 đến 08/03/2026.
- Giống lúa: Đài Thơm 8
- Năng suất dự kiến lúa tươi tại ruộng $9,5 \text{ tấn/ha} \times 50 \text{ ha} = 475 \text{ tấn}$

1.2. Lúa giống: Bên A sử dụng lúa giống cấp xác nhận 1 (nơi cung ứng giống có địa chỉ, nguồn gốc rõ ràng, giấy xác nhận hợp lệ...)

1.3. Quy trình sản xuất: Tuân thủ mô hình canh tác bền vững: giảm lượng lúa giống gieo sạ 80-100 kg/ha; giảm 20% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc hóa học;

Điều 2: Tiêu chuẩn chất lượng lúa sản phẩm, giá cả và phương thức thu mua.

2.1. Tiêu chuẩn chất lượng lúa hàng hóa (lúa tươi):

- Độ ẩm: tối đa 30%
- Tạp chất bao gồm lép lửng: tối đa 5%
- Hạt xanh non: tối đa 7%
- Độ lẫn giống: không được lẫn nếp, các loại lúa ngang: lúa IR 504.04, OM 380, OM 6976,...;

- Khi thu hoạch lúa, Bên A cần đảm bảo:
 - + Thời gian bắt đầu thu hoạch: từ 10 giờ – 20 giờ trong điều kiện trời nắng ráo, không mưa.

- + Thu hoạch bằng máy cắt liên hợp. Tạp chất được sản xuất theo khả năng của máy cắt.

2.2. Giá cả và phương thức thu mua

- **Giá cả:** hai bên thống nhất giá mua lúa hàng hóa theo giá thị trường tại vùng nguyên liệu trước thời điểm thu hoạch là 10 ngày (**dự kiến ngày chốt giá là 28/02/2026**)

* Trường hợp lúa hàng hóa không đạt tiêu chuẩn tại khoản 2.1 nêu trên thì hai bên sẽ thỏa thuận giảm giá mua theo chất lượng lúa thực tế. Trường hợp chất lượng lúa quá kém như: bị ẩm vàng, hoặc độ ẩm vượt quá 30%... thì bên B có quyền từ chối không mua.

* Việc kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng lúa tươi do KCS của bên B thực hiện trên cơ sở khách quan, công khai.

- **Phương thức thu mua:** bên B nhận lúa hàng hóa xe của bên A, bên A tổ chức thu gom, vận chuyển đến xe của bên B. Theo thỏa thuận, Giá thu mua nhập kho bên B sẽ bao gồm **giá lúa tươi tại ruộng + 350 đồng/kg** (350đ là phí thu gom, bốc xếp 2 đầu xuống ghe, lên xe, hao hụt, vận chuyển giao hàng tại xe bên B).

- Tuân thủ quy trình sử dụng thuốc, chủng loại thuốc BVTV theo hướng dẫn và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp tại mục 1.3

- Không được sử dụng thuốc kích thích có hoạt chất Siêu to hạt trước và sau khi lúa trổ, giai đoạn lúa chín và không bơm nước trong vòng 07 ngày khi đến ngày thu hoạch. Không phun xịt thuốc trừ sâu rầy trong vòng 15 ngày khi đến ngày thu hoạch;

- Đảm bảo kế hoạch gieo sạ và thực hiện thu hoạch giao hàng phù hợp năng lực sấy của bên B, tiến độ thu hoạch tối đa là 100 tấn/ngày và tối thiểu là 20 tấn/ngày.

Điều 5: Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp trở ngại, khó khăn phải kịp thời thông báo cho nhau biết, để tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, hài hòa lợi ích.

Nếu xảy ra tranh chấp mà không tự giải quyết được, thì bản án của Tòa án kinh tế tỉnh là phán quyết cuối cùng để cùng thi hành.

Mọi bổ sung, chỉnh sửa nội dung trong hợp đồng này đều phải được sự đồng ý của hai bên và thực hiện bằng phụ lục hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên thực hiện hết nghĩa vụ của mình theo qui định thì hợp đồng xem như được thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị ngang nhau./.



Huỳnh Văn Danh

Xác nhận của
Ủy ban nhân dân xã Mỹ Thành.



Đồng Văn Thảo



Nguyễn Văn Việt

HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA

SỐ: 10042026/HĐLK

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH1 ngày 14/6/2005 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH 13 ngày 24/11/2015 của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 107/2018/NĐ-CP ngày 15/08/2018 về liên kết sản xuất, tiêu thụ và xây dựng vùng nguyên liệu trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu gạo;

Căn cứ Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng ĐBSCL đến năm 2030 theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ vào nhu cầu và khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày 10 tháng 04 năm 2026, tại Hợp tác xã Nông nghiệp Mỹ Thành Bắc.

Chúng tôi gồm có:

BÊN A: HỢP TÁC XÃ DV NÔNG NGHIỆP MỸ THÀNH BẮC

- Do Ông: **Nguyễn Văn Việt**. Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc làm đại diện.

- Địa chỉ: ấp 4, xã Mỹ Thành, tỉnh Đồng Tháp.

- Điện thoại: 0976 153 107.

- Mã số thuế: 1201567016

BÊN B: ĐƠN VỊ LIÊN KẾT - CÔNG TY TNHH VINH HIỀN

-Do Ông: **Huỳnh Văn Danh** Chức vụ: Giám đốc đại diện

-Địa chỉ: số 1102, ấp Thạnh Phong, xã Phú Thành, tỉnh Đồng Tháp

-Mã số thuế: 1200528906

-Điện thoại: 0919.322.012

Sau khi bàn bạc, trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ lúa theo các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

1.1. Hai bên đồng ý ký hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ vùng nguyên liệu lúa chất lượng cao phù hợp những mục tiêu Đề án phát triển bền vững 01 triệu ha lúa chuyên canh chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng



ĐBSCL đến năm 2030 theo Quyết định số 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện: ấp 4, xã Mỹ Thành, Tỉnh Đồng Tháp
- Diện tích sản xuất: 50 ha
- Mùa vụ: Xuân – Hè (Vụ 2) 2026. Dự kiến xuống giống và thu hoạch: 20/03/2026 đến 30/06/2026.
- Giống lúa: OM18
- Năng suất dự kiến lúa tươi tại ruộng $9 \text{ tấn/ha} \times 50 \text{ ha} = 450 \text{ tấn}$

1.2. Lúa giống: Bên A sử dụng lúa giống cấp xác nhận 1 (nơi cung ứng giống có địa chỉ, nguồn gốc rõ ràng, giấy xác nhận hợp lệ...)

1.3. Quy trình sản xuất: Tuân thủ mô hình canh tác bền vững: giảm lượng lúa giống gieo sạ 80-100 kg/ha; giảm 20% lượng phân bón hóa học và thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc hóa học;

Điều 2: Tiêu chuẩn chất lượng lúa sản phẩm, giá cả và phương thức thu mua.

2.1. Tiêu chuẩn chất lượng lúa hàng hóa (lúa tươi):

- Độ ẩm: tối đa 30%
- Tạp chất bao gồm lép lửng: tối đa 5%
- Hạt xanh non: tối đa 7%
- Độ lẫn giống: không được lẫn nếp, các loại lúa ngang: lúa IR 504.04, OM 380, OM 6976,...;
- Khi thu hoạch lúa, Bên A cần đảm bảo:
 - + Thời gian bắt đầu thu hoạch: từ 10 giờ – 20 giờ trong điều kiện trời nắng ráo, không mưa.
 - + Thu hoạch bằng máy cắt liên hợp. Tạp chất được sản xuất theo khả năng của máy cắt.

2.2. Giá cả và phương thức thu mua

- **Giá cả:** hai bên thống nhất giá mua lúa hàng hóa theo giá thị trường tại vùng nguyên liệu trước thời điểm thu hoạch là 10 ngày (**dự kiến ngày chốt giá là 25/06/2026**)

* Trường hợp lúa hàng hóa không đạt tiêu chuẩn tại khoản 2.1 nêu trên thì hai bên sẽ thỏa thuận giảm giá mua theo chất lượng lúa thực tế. Trường hợp chất lượng lúa quá kém như: bị ẩm vàng, hoặc độ ẩm vượt quá 30%... thì bên B có quyền từ chối không mua.

* Việc kiểm tra tiêu chuẩn chất lượng lúa tươi do KCS của bên B thực hiện trên cơ sở khách quan, công khai.

- **Phương thức thu mua:** bên B nhận lúa hàng hóa xe của bên A, bên A tổ chức thu gom, vận chuyển đến xe của bên B. Theo thỏa thuận, Giá thu mua nhập kho bên B sẽ bao gồm **giá lúa tươi tại ruộng + 350 đồng/kg** (350đ là phí thu gom, bốc xếp 2 đầu xuống ghe, lên xe, hao hụt, vận chuyển giao hàng tại xe bên B).

- Tuân thủ quy trình sử dụng thuốc, chủng loại thuốc BVTV theo hướng dẫn và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp tại mục 1.3

- Không được sử dụng thuốc kích thích có hoạt chất Siêu to hạt trước và sau khi lúa trổ, giai đoạn lúa chín và không bơm nước trong vòng 07 ngày khi đến ngày thu hoạch. Không phun xịt thuốc trừ sâu rầy trong vòng 15 ngày khi đến ngày thu hoạch;

- Đảm bảo kế hoạch gieo sạ và thực hiện thu hoạch giao hàng phù hợp năng lực sấy của bên B, tiến độ thu hoạch tối đa là 100 tấn/ngày và tối thiểu là 20 tấn/ngày.

Điều 5: Điều khoản chung.

Hai bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu gặp trở ngại, khó khăn phải kịp thời thông báo cho nhau biết, để tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác, chia sẻ, hài hòa lợi ích.

Nếu xảy ra tranh chấp mà không tự giải quyết được, thì bản án của Tòa án kinh tế tỉnh là phán quyết cuối cùng để cùng thi hành.

Mọi bổ sung, chỉnh sửa nội dung trong hợp đồng này đều phải được sự đồng ý của hai bên và thực hiện bằng phụ lục hợp đồng.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai bên thực hiện hết nghĩa vụ của mình theo qui định thì hợp đồng xem như được thanh lý.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị ngang nhau./.



Huỳnh Văn Danh



Nguyễn Văn Việt

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 011025/HĐNT/TP-PA

- Căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ theo nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay, ngày 01 tháng 10 năm 2025, chúng tôi gồm:

BÊN A (Bên mua): CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Địa chỉ : Số 55, Đường Công Dậu, Thôn Lưu Xá, Xã Hoài Đức, TP Hà Nội

Email : pavietnam19@gmail.com

Điện thoại : 098.252.3151

Fax :

Mã số thuế : 0108538065

Số tài khoản : 11610000184989. Ngân hàng: BIDV – CN Hoài Đức, Hà Nội

Số tài khoản : 19039926238889 - Techcombank - CN Hội sở chính Hà Nội

Đại diện : Ông **Cao Việt Anh**

Chức Vụ: Giám Đốc

Bên B (Bên bán): DOANH NGHIỆP TN XÂY XÁT THUẬN PHÁT

Địa chỉ : Cụm Công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Mã số thuế : 3400480211

Số tài khoản : 4809201001560 Tại Ngân hàng NN & PTNH CN Bắc Bình

Đại diện : Bà **Hong Cống Kiu**

- Giám Đốc làm đại diện

Hai bên cùng thống nhất ký hợp đồng mua bán các loại gạo với các điều khoản sau:

Điều 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A đặt mua và bên B nhận sản xuất, cung cấp các sản phẩm gạo theo nội dung đơn đặt hàng của bên A trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng này.

Điều 2: GIÁ CẢ SẢN PHẨM

2.1. Giá bán sản phẩm sẽ được bên B thông báo cho bên A dựa theo “đơn đặt hàng” của bên A tại mỗi thời điểm và được coi như phụ lục của hợp đồng này.

Bên B cam kết cung cấp các sản phẩm có chất lượng với mức giá cạnh tranh cho bên A trong suốt thời gian hợp đồng.

2.2. Bên B cam kết ổn định mức giá cho mỗi mặt hàng mà bên A mua trong thời hạn tối thiểu là 03 tháng.

Khi nguyên liệu đầu vào biến động 10% trở lên (tăng hoặc giảm), bên B sẽ chủ động thông báo giá mới cho bên A.



Điều 3: ĐẶT HÀNG VÀ HỦY MUA HÀNG

3.1. Đặt mua hàng hóa:

Bên A gửi “Đơn đặt hàng” bằng hình thức điện thoại, zalo,....., hoặc gửi email cho bên B.

Trong đơn đặt hàng bên A ghi rõ: Số lượng hàng hóa, chủng loại hàng hóa, thời gian, địa điểm giao hàng và các nội dung khác liên quan đến hàng hóa.

“Đơn đặt hàng” sẽ do đại diện có thẩm quyền của Bên A ký (thực hiện) và phải được bên B xác nhận chấp thuận qua điện thoại, zalo, email.....

Bên B phải xác nhận khả năng có thể cung cấp hàng hoá trong thời hạn hai (02) ngày kể từ ngày nhận được “Đơn đặt hàng” của bên A.

Bên A gửi cho bên B danh sách tên và chữ ký mẫu của đại diện được ủy quyền ký “Đơn đặt hàng”. Khi có thay đổi về người đại diện ủy quyền hoặc chữ ký mẫu, bên A phải thông báo bằng văn bản cho bên B biết trước ít nhất 3 ngày.

3.2. Hủy Đơn đặt hàng, trả hàng:

Bên A được quyền thông báo hủy “Đơn đặt hàng”, trả lại hàng khi:

- Bên B chưa xác nhận “Đơn đặt hàng”.
- Bên B vi phạm các điều khoản trong hợp đồng như hàng kém chất lượng, chậm tiến độ giao hàng.
- Trong mọi trường hợp bên A hủy mua hàng, trả lại hàng đã mua từ bên B thì bên A phải thông báo cho bên B trong thời gian từ 3 - 5 ngày sau khi nhận hàng. Sau thời gian trên, bên B sẽ từ chối nhận lại hàng vì bất cứ nguyên nhân nào.

Điều 4: ĐÓNG GÓI, VẬN CHUYỂN VÀ GIAO HÀNG

4.1. Đóng gói: Sản phẩm được đóng gói theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng sản phẩm và an toàn khi vận chuyển.

4.2. Thời gian giao hàng: Bên B có trách nhiệm giao hàng theo đúng thời gian đã xác nhận trên “Đơn Đặt Hàng.”

4.3. Trong trường hợp hai bên thay đổi thời gian giao nhận hàng, thì bên thay đổi phải kịp thời thông báo cho bên kia được biết và xác định thời gian giao nhận hàng mới.

4.4. Địa điểm giao hàng: Tại địa chỉ của bên A tại Tp. Hà Nội.

Điều 5: THANH TOÁN

5.1. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B theo từng “Đơn Đặt Hàng”.

5.2. Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B trong thời gian không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hàng hóa theo Đơn Đặt Hàng và các giấy tờ, hóa đơn chứng từ hợp lệ (nếu có).

5.3. Trong trường hợp Bên A thanh toán chậm theo thời hạn trên, Bên A có trách nhiệm trả lãi cho bên B theo mức lãi quá hạn do Ngân Hàng Vietcombank công bố tại thời điểm thanh toán.

5.4. Hình thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản của bên B.

Điều 6: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- 6.1. Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của hợp đồng này, chủ động trao đổi thông tin trong quá trình thực hiện và thông báo các vấn đề phát sinh để cùng nhau tìm biện pháp giải quyết, đảm bảo lợi ích của cả hai bên.
- 6.2. Việc điều chỉnh hoặc hủy bỏ hợp đồng phải được sự thống nhất và xác nhận bằng văn bản của cả hai bên.
- 6.3. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành về hợp đồng kinh tế.
- 6.4. Hai bên cam kết thực hiện đúng theo các điều khoản của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có vướng mắc thì các bên chủ động bàn bạc thống nhất biện pháp giải quyết với tinh thần hợp tác. Trường hợp hai bên không thể tự giải quyết, vấn đề sẽ được đưa ra Tòa Án Nhân Dân Thành Phố Hà Nội. Phán quyết cuối cùng của tòa án sẽ là cơ sở để hai bên thực hiện. Bên thua kiện sẽ chịu mọi án phí.
- 6.5. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi một trong hai bên có thông báo bằng văn bản gửi cho bên kia đề nghị chấm dứt hợp đồng.
- 6.6. Hợp đồng này gồm 03 (ba) trang, được lập thành 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.



ĐẠI DIỆN BÊN A

CAO VIỆT ANH

GIÁM ĐỐC



ĐẠI DIỆN BÊN B

HONG CỐNG KÍU

GIÁM ĐỐC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN**

Mã số doanh nghiệp: 3400480211

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 05 năm 2006

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 31 tháng 12 năm 2025

1. Tên doanh nghiệp

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng Việt: **DOANH NGHIỆP TN XÂY XÁT THUẬN PHÁT**

Tên doanh nghiệp viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên doanh nghiệp viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Cụm Công nghiệp Hải Ninh, Xã Hải Ninh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Điện thoại: *0918150091*

Số Fax:

Thư điện tử: *congkiuhong@gmail.com*

Website:

3. Vốn đầu tư : 8.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Tám tỷ đồng

4. Chủ doanh nghiệp

Họ, chữ đệm và tên: **HONG CÓNG KIU**

Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *22/11/1982*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: *060182001874*

Địa chỉ liên lạc: *Số nhà 31, đường Nguyễn Văn Trỗi, Xã Hải Ninh, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam*

**KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG**



Phan Tân Hưng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN
CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM
CERTIFICATE
OF COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM VÀ THỦY SẢN BÌNH THUẬN
CHỨNG NHẬN/CERTIFICATION

Cơ sở/ Establishment:

DNTN xay xát Thuận Phát

Mã số/ Approval number: **60 - 017 - LT**

Địa chỉ/ Address: **Cụm công nghiệp Hải Ninh - Hải Ninh - Bắc Bình - Bình Thuận**

Điện thoại/ Tel: **0918196903**

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:
Has been found to be in compliance with food safety regulations
for following products:

- Xay xát lúa gạo.

Số cấp/ Number: **0165/2023/NNPTNT-BTh**

Có hiệu lực đến ngày **29** *tháng* **9** *năm* **2026**
Valid until (date/month/year)

và thay thế Giấy chứng nhận số:
and replaces The Certificate N^o

cấp ngày **tháng** *năm*
issued on (day/month/year)

Bình Thuận, ngày **29** *tháng* **9** *năm* **2023**
Bình Thuận, day/month/year

CHI CỤC TRƯỞNG



Ngô Minh Uyên Thảo

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN
XÂY XÁT THUẬN PHÁT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 5 năm 2026

**GIẤY XÁC NHẬN
TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

Căn cứ pháp luật hiện hành về an toàn thực phẩm, căn cứ tình hình sản xuất của công ty;

Tên cơ sở/doanh nghiệp: Doanh nghiệp tư nhân xây sát Thuận Phát

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, tỉnh Lâm Đồng

Mã số doanh nghiệp: 3400480211

Loại hình kinh doanh: Mua bán, xây sát lúa gạo.

Xác nhận các ông/bà có tên trong danh sách dưới đây đã được tập huấn kiến thức về ATTP theo đúng quy định.

STT	HỌ TÊN	NĂM SINH	SỐ CCCD	CHỨC VỤ
1	Hong Cống Kiu	1982	060182001874	Giám đốc
2	Phún A Tài	1996	060096000928	Nhân viên
3	Võ Văn Tuấn	1993	066093081279	Nhân viên
4	Trần Viết Phương	2001	060201010007	Nhân viên
5	Trương Sanh Tú	1999	060099003946	Nhân viên

Giấy xác nhận kiến thức này có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký và chỉ có giá trị áp dụng cho quá trình sản xuất kinh doanh nông sản tại công ty.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Các Bộ phận trực thuộc công ty;



2. Tiền sử bản thân: (từng (bà) đã dùng thuốc bệnh, tình trạng bệnh nhân trước đây)			
TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒
12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
13	Bệnh tâm thần	☐	☒
14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Hén hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Đánh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Đánh thần, loét mắt	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Đánh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

.....

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

.....

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bắc Bình, ngày 21 tháng 7 năm 2024
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hong Công Xín

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 157 cm; - Cân nặng: 60 kg; - Chỉ số BMI:

- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực: 2

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa		
Tuần hoàn	Tốt	<i>Th</i>
a) Phân loại	I	
Hô hấp	Thở bình, phổi trong	BS Lê Văn Khoa
b) Phân loại	I	
Tiêu hóa	Trình bình	<i>Th</i>
c) Phân loại	I	
Thận-Tiết niệu	Trình bình	BS Lê Văn Khoa
d) Phân loại	I	
Nội tiết	Trình bình	<i>Th</i>
d) Phân loại	I	
Cơ - xương - khớp	Vận động tốt	<i>Th</i>
e) Phân loại	I	
Thần kinh	Trình bình	BS Lê Văn Khoa
e) Phân loại	I	
Tâm thần	Bình thường	Bác Sỹ Duy Khang
b) Phân loại	I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: Bình thường		<i>Th</i>
Phân loại: I		
- Da liễu: Bình thường		
Phân loại: I		BS Nguyễn Văn Khoa
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại: I		<i>Th</i>
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 1/10, Mắt trái 1/10		<i>Th</i>
Có kính: Mắt phải..... Mắt trái.....		
Các bệnh về mắt (nếu có): Không		Bác Sỹ Duy Khang
Phân loại: I		

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Dãi tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7 Tăng huyết áp	☐	5	18 Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	✓
8 Khô thở	☐	5	19 Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	10
9 Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phổi mãn tính	☐	4	20 Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	4
10 Bệnh thận, lọc máu	☐	6	21 Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	12
11 Nghiện rượu, bia	☐	11	22 Bệnh khác (ghi rõ)	☐	✓

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bác Bệnh, ngày 40 tháng 5 năm 2016

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

I. KHÁM THỊ LỰC

Chiều cao: 165 cm - Cân nặng: 62 kg - Chỉ số BMI:

Mạch: 70 lần/phút - Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thị lực: 1

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	7/7, ổn định	BS. Lê Văn Khoa Thuyên
Phân loại		
b) Hô hấp	Hoạt động tốt, không có triệu chứng	BS. Lê Văn Khoa Thuyên
Phân loại		
c) Tiêu hóa	Bụng mềm	BS. Lê Văn Khoa Thuyên
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu	Không có triệu chứng	BS. Lê Văn Khoa Thuyên
Phân loại		
e) Nội tiết	Không có triệu chứng	BS. Lê Văn Khoa Thuyên
Phân loại		
f) Cơ - xương - khớp	Vận động tốt	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
g) Thần kinh	Không có triệu chứng	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
h) Tâm thần	Không có triệu chứng	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Đa liễu:		
- Ngoại khoa: Không có triệu chứng		BS. Nguyễn Trường Kỳ
Phân loại:		
- Đa liễu: Không có triệu chứng		BS. Tô Duy Khang
Phân loại:		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10		BS. Tô Duy Khang
Có kính: Mắt phải Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có): Không		BS. Tô Duy Khang
Phân loại:		

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám thành lực:

Tai trái: Nối thông..... 5..... m; Nối thông..... 5..... m

Tai phải: Nối thông..... 5..... m; Nối thông..... 5..... m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

Phân loại:.....

BS. CKI. Huỳnh Văn Lâm

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám: Hàm trên.....

Hàm dưới.....

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):.....

Phân loại:.....

BS. CKI. Huỳnh Văn Lâm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC:	
Số lượng Bạch cầu:	
Số lượng tiểu cầu:	
b) Sinh hóa máu: Đường máu:	
Ure:.....	
ASAT (GOT):.....	
ALAT (GPT):.....	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường:	
b) Protein:	
c) Khác (nếu có):.....	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):.....	

ÂM TÍNH

CKI. Phạm Công Nam

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):.....

Bác Bệnh, ngày 10 tháng 1 năm 2026

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ CHĂM ĐỐC



Nguyễn Thái Trung

(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2023/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

SỞ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẮC BÌNH

SỐ: 1517/GKSK-TT-YT

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): PHUOI A TAI

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh Ngày, tháng, năm (Tuổi): 20/02/1996

4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 96009000328

5. Cấp ngày 19/10/2021 Tại: Huyện Bắc Bình

6. Chỗ ở hiện tại: Thôn Thung, Thôn Minh, Xã Bắc Bình

7. Lý do khám sức khỏe: làm việc + An toàn thực phẩm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khô thở	☐	☒	19	Hệ thống tiêu hóa ruột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

(Lưu)

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bác Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2024
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tai
Phu A Tai

I. KHÁM THỂ LỰC

Chiều cao: 172 cm; Cân nặng: 73 kg; Chỉ số BMI:

Mạch: 72 lần/phút; Huyết áp: 110/70 mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SANG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tuần hoàn	Tử vong	BS. Lê Văn Hùng
Phân loại		
b) Hô hấp	Đi tiểu, tiểu đêm	BS. Lê Văn Hùng
Phân loại		
c) Tiêu hóa	Đầy bụng	BS. Lê Văn Hùng
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu	Viêm phổi	BS. Lê Văn Hùng
Phân loại		
d) Nội tiết	Đi tiểu đêm	BS. Lê Văn Hùng
Phân loại		
e) Cơ - xương - khớp	Vấn đề răng	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
g) Thần kinh	Đi tiểu	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
h) Tâm thần	Bệnh tiểu đường	BS. Tô Duy Khang
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa:		BS. Nguyễn Văn Hùng
Phân loại:		
- Da liễu:		
Phân loại:		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 1/2, Mắt trái 1/2		BS. Tô Duy Khang
Có kính: Mắt phải:, Mắt trái:		
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại:		

7. Tăng huyết áp	☐	☒	18. Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8. Kéo dài	☐	☒	19. Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9. Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phổi mãn tính	☐	☒	20. Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10. Bệnh thận, loét máu	☐	☒	21. Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11. Nghiện rượu, bia	☐	☒	22. Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

Không

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bác Bệnh, ngày 20 tháng 5 năm 2024
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Tuấn

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 169 cm; - Cân nặng: 58 kg; - Chỉ số BMI:
- Mạch: 70 lần/phút; - Huyết áp: 110 / 70 mmHg

Phân loại thể lực:

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1. Nội khoa		
a) Tâm thần	Không có	
Phân loại	I	
b) Hô hấp	Không phát hiện	BS. Lê Văn Tuấn
Phân loại	I	
c) Tiêu hóa	Không có	
Phân loại	I	
d) Thận-Tiết niệu	Không phát hiện	
Phân loại	I	
d) Nội tiết	Không có	BS. Lê Văn Tuấn
Phân loại	I	
e) Cơ - xương - khớp	Không có	
Phân loại	I	
f) Thần kinh	Không có	
Phân loại	I	
g) Tâm thần	Không có	BS. Tô Duy Khang
Phân loại	I	
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
- Ngoại khoa: Không có		
Phân loại: I		
- Da liễu: Không có		
Phân loại: I		
3. Sản phụ khoa:		
Phân loại: I		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 4/10, Mắt trái 4/10 Có kính: Mắt phải Mắt trái		
Các bệnh về mắt (nếu có): Không		
Phân loại: I		BS. Tô Duy Khang

5. Tai - Mũi - Họng

Kết quả khám chính lực:

Tai trái: Nốt thường..... m; Nốt thâm..... m

Tai phải: Nốt thường..... m; Nốt thâm..... m

Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):.....

Phân loại:.....

BSCKL Hoàng Văn Lâm

6. Răng - Hàm - Mặt

Kết quả khám:

Hàm trên:.....

Hàm dưới:.....

Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):.....

Phân loại:.....

BSCKL Hoàng Văn Lâm

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sĩ
1. Xét nghiệm máu:	
a) Công thức máu:	
Số lượng HC:	
Số lượng Bạch cầu:	
Số lượng tiểu cầu:	
b) Sinh hóa máu: Đường máu:	
Ure:.....	
ASAT (GOT):.....	
ALAT (GPT):.....	
2. Xét nghiệm nước tiểu:	
a) Đường:	
b) Protein:	
c) Khác (nếu có):.....	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tìm phổi thẳng):.....	

CKLXN Phạm Công Nam

ÂM TÍNH

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):.....

Bắc Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2024

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thái Trung

(Đem hình dán theo Thông tư số 32/2021/TT-BYT, ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

MẪU GIẤY KHÁM SỨC KHỎE DÙNG CHO NGƯỜI TỪ ĐỦ 18 TUỔI TRỞ LÊN

SỐ Y TẾ TỈNH LÂM ĐỒNG:.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM Y TẾ KHU VỰC BẮC BÌNH
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 004/GKSK-TTBT

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE



1. Họ và tên (viết chữ in hoa): VŨ VĂN TUẤN

2. Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐

3. Sinh Ngày, tháng, năm (Tuổi): 01/02/1993

4. Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/danh CD: 966.993.012.79

5. Cấp ngày 19/9/2021 Tại Lục Cầu, Đăk

6. Chỗ ở hiện tại: Hẻm Thung - Hẻm Mìn - Lạc Đông

7. Lý do khám sức khỏe: Làm việc + An toàn thực phẩm

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

1. Tiền sử gia đình:

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐

Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/dang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngày to	☐	☒

7 Tăng huyết áp	☐	☒	18 Tai biến mạch máu não hoặc đột	☐	☒
8 Kéo dài	☐	☒	19 Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9 Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20 Sử dụng rượu thường xuyên, lạm dụng	☐	☒
10 Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21 Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11 Nghiện rượu, bia	☐	☒	22 Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

(liều)

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Bác Bình, ngày 20 tháng 5 năm 2022
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tuan

10 Vũ Tuấn

I. KHÁM THỂ LỤC

Chiều cao: 155 cm; Cân nặng: 44 kg; Chỉ số BMI: 18,5

Mạch: 70 lần/phút; Huyết áp: 110/80 mmHg

Phân loại thể lực: 1

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên và chữ ký của Bác sĩ chuyên khoa
1. Nội khoa	
a) Tuần hoàn	
Phân loại	
b) Hô hấp	
Phân loại	BS. Lu. Nữ Thu Huyền
c) Tiêu hóa	
Phân loại	
d) Thận-Tiết niệu	
Phân loại	
e) Nội tiết	
Phân loại	BS. Lu. Nữ Thu Huyền
f) Cơ - xương - khớp	
Phân loại	
g) Thần kinh	
Phân loại	
h) Tầm nhìn	
Phân loại	BS. Tô Duy Khang
2. Ngoại khoa, Da liễu:	
- Ngoại khoa	
Phân loại	
- Da liễu	
Phân loại	BS. Nguyễn Trương Công
3. Sản phụ khoa:	
Phân loại	
4. Mắt:	
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10 Mắt trái 10/10	
Có kính: Mắt phải: Mắt trái:	
Các bệnh về mắt (nếu có):	
Phân loại:	BS. Tô Duy Khang

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY XÁT THUẬN PHÁT
Cụm công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận



BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

GẠO ML48

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 01/DNTNxayxatThuanPhat/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Doanh nghiệp tư nhân xay xát Thuận Phát

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0918 196 903

Fax:

E-mail

Mã số doanh nghiệp: 3400480211

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm: 0165/2023/NNPTNT-BTh, ngày cấp: 29/9/2023, Nơi cấp: Chi cục Quản lý chất lượng nông, lâm và thủy sản Bình Thuận.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo ML48.

2. Thành phần: 100% gạo ML48.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì: Đóng gói bao/túi 05 kg, 10 kg, 25 kg,

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

- Tên tổ chức, cá nhân: Doanh nghiệp tư nhân xay xát Thuận Phát.

- Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

GẠO ML48

Thành phần: 100% gạo ML48.

Khối lượng tịnh:

Hướng dẫn sử dụng: Dùng nấu cơm hoặc làm các loại bánh.

Ngày sản xuất:

Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ẩm, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Không dùng sản phẩm khi có dấu hiệu ẩm mốc hoặc hết hạn sử dụng.

Sản phẩm của: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XAY XÁT THUẬN PHÁT

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Hải Ninh, xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Điện thoại: 0918 196 903

Xuất xứ: Việt Nam

TCB số: 01/DNTNxayxatThuanPhat/2024

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Chỉ tiêu cảm quan (Theo TCVN 11888:2017)

Tt	Tên chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Màu sắc	Màu trắng đặc trưng của gạo
2	Mùi, vị	Mùi đặc trưng của gạo, không có mùi, vị lạ
3	Côn trùng sống	Không có côn trùng sống

2. Chỉ tiêu chất lượng chủ yếu (Theo TCVN 11888:2017)

Tt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu
1	Độ ẩm	%	≤ 14
2	Hạt nguyên	%	≥ 45
3	Tầm	%	$\leq 0,1$



VILAS 266

VIMCERTS 129

CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY
ISO/IEC 17025 - ISO 9001

Head Office: Xuan An Residential Area, Xuan An Ward, Phan Thiet City, Binh Thuan Province Tel: 0252.3822.390 - 0908.700.379 Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 24083704

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Ngày/Date: 19/08/2024
Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN XÂY XÁT THUẬN PHÁT

Địa chỉ/ Address: CỤM CÔNG NGHIỆP HẢI NINH, XÃ HẢI NINH, HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 13/08/2024

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 20/08/2024

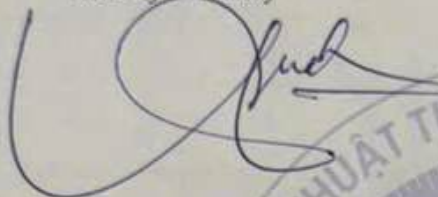
Tên mẫu/ Sample name: GẠO ML48

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong túi nhựa 2kg Số lượng/ Quantity: 01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
01	Cảm Quan		-Màu sắc: Màu trắng đặc trưng của gạo. -Mùi, vị: Mùi đặc trưng của gạo, không có mùi, vị lạ. -Côn trùng sống nhìn thấy bằng mắt thường: Không có.	TCVN 11888:2017
02	Độ ẩm	%	13,15	Ref.TCVN 3705:2002
03	Thành phần của hạt	%	- Hạt nguyên: 57,0 - Tầm: 4,0 - Tầm nhỏ: 0,10	TCVN 11888:2017
04	Các loại hạt khác	%	- Hạt đỏ, hạt sọc đỏ, hạt xát đỏ: 1,00 - Hạt vàng: 1,0 - Hạt bạc phàn: 3,00 - Hạt bị hư hỏng: 1,00 - Hạt gạo nếp: 1,00 - Hạt xanh non: 0,10	TCVN 11888:2017
05	Tạp chất	%	0,10	TCVN 11888:2017
06	Thóc lẫn	%	1,00	TCVN 11888:2017
07	Mức Xát	%	Kỹ	TCVN 11888:2017
08	Arsen (As)	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	AOAC 986.15
09	Cadimi (Cd)	mg/Kg	KPH (LOD=0,01)	TCVN 10643:2014
10	Chì (Pb)	mg/Kg	KPH (LOD=0,005)	TCVN 10643:2014

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết quả thử nghiệm Test result	Phương pháp thử Test method
11	Aflatoxin (B1)	µg/kg	KPH (LOD=2,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
12	Aflatoxin tổng số	µg/kg	KPH (LOD=2,0)	TĐCBTh.SK.006/2019 (LC/MS/MS)
13	Tỷ lệ hạt theo chiều dài	%	- Hạt rất dài > 7,0 mm: 6,00 - Hạt ngắn < 6,0 mm: 6,50	TCVN 11888:2017

TRƯỞNG PHÒNG
Head of laboratory



Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC
Director



Lương Đình Quát



Ghi chú/Remark:

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (từ ngày hạn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation).
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS. (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/Not detected.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA

Số: 050325/HĐMB/PA- LV

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 do Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 27/6/2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nhu cầu và khả năng thực tế của hai Bên,

Hôm nay, ngày 05 tháng 03 năm 2025, Chúng tôi gồm có:

BÊN A (Bên mua) : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PA

Địa chỉ : Số 55, Đường Công Đậu, Thôn Lưu Xá, Xã Đức Giang, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Văn phòng giao dịch : Số 14, dãy T5.1, Khu đô thị Westpoint Nam 32, Thị trấn Tràm Trôi, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 033.609.6789

MST : 0108538065

Tài khoản 1 : 11610000184989 Tại: Ngân Hàng BIDV – Chi nhánh Hoài Đức.

Tên Tài Khoản : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư PA

Tài khoản 2 : 19039926238889 Tại: Ngân Hàng Techcombank– Chi nhánh Hội sở chính Hà Nội.

Tên Tài Khoản : Công Ty Cổ Phần Đầu Tư PA

Người đại diện : Ông CAO VIỆT ANH Chức vụ: Giám đốc

BÊN B (Bên bán) : CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Địa chỉ: TDP Thọ Lương , Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam

Mã số thuế: : 0700560649

Người đại diện : Ông ĐẶNG VĂN HIỆP Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: : 0866.412.228

Số tài khoản : 0248.5845.0001 Tại NH TMCP Lộc Phát Việt Nam- CN Bình Lục – Hà Nam

Tên tài khoản : CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Hai bên cùng nhau đồng ý ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá với các điều khoản và điều kiện như sau:

ĐIỀU 1: HÀNG HÓA MUA BÁN

- A. Căn cứ vào nhu cầu thực tế của Bên A, Bên A sẽ đặt mua Hàng hóa từ Bên B là các mặt hàng gạo các loại.... các sản phẩm bên B được phép sản xuất và kinh doanh, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, phù hợp các quy định của pháp luật Việt Nam.

- B. Hàng hóa của Bên B phải hợp pháp và được phép tự do giao dịch với Bên A mà không có trở ngại pháp lý nào có thể gây bất lợi cho Bên A.

ĐIỀU 2: PHƯƠNG THỨC VÀ THỜI HẠN GIAO HÀNG

- A. Bên B có nghĩa vụ phải thực hiện giao hàng tại địa điểm quy định trong phụ lục hợp đồng.
- B. Bên B sẽ tự chịu trách nhiệm trong việc vận chuyển Hàng hóa đến địa điểm của Bên A cũng như các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật của Việt Nam khi cung cấp Hàng hóa cho Bên A.
- C. Cách thức đặt hàng:
Đặt hàng qua điện thoại, tin nhắn: Bên A sẽ chỉ định số điện thoại và nhân sự thực hiện đặt hàng.
- D. Xác nhận đơn đặt hàng và giao hàng:
- Bên A có trách nhiệm đặt hàng và bên B có trách nhiệm xác nhận lại đơn đặt hàng **trước 16h** hàng ngày.
 - Giao hàng đúng ngày – giờ theo yêu cầu đơn hàng.
- E. Yêu cầu về hàng hóa:
- Bao bì trắng có hoặc không lồng nilong theo yêu cầu; tem mác theo yêu cầu của khách hàng.
 - Ghi đầy đủ ngày sản xuất và hạn sử dụng trên bao bì.
 - Gạo đảm bảo còn bao bì nguyên vẹn, không rách nát, không ẩm mốc, vón cục, không có một gạo, sợi tãi, tạp chất (thủy tinh, kim loại, các vật cứng, sắc, nhọn.....).
 - Mỗi bao gạo đảm bảo đủ định lượng (khối lượng tịnh 25kg/bao), không tính bao bì.
 - Gạo kê trên palet, không để trực tiếp dưới nền đất.

I. Tiêu chí chất lượng sản phẩm gạo:

TÊN GẠO	TỶ LỆ TẮM	ĐỘ ẨM	HẠT VÀNG, HỒNG
Gạo tẻ thơm	< 10%	< 14 °C	< 0,25%

- Tỷ lệ lẫn tạp chất: < 0.001% bao gồm: sạn, trấu, thóc...
- Nếu gạo nhiễm sâu, mọt hoặc có mùi lạ - yêu cầu nhà cung cấp đổi trả toàn bộ đơn hàng đó và giảm trừ chi phí phát sinh cho việc đổi trả là 300đ/kg gạo bị lỗi.

ĐIỀU 3: THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- A. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.
- B. Hạn mức, thời hạn thanh toán:
- Bên A thanh toán cho bên B sau khi nhận đủ hóa đơn, chứng từ.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI CỦA CÁC BÊN

- A. Trách nhiệm và quyền lợi của bên A
1. Thanh toán cho Bên B theo quy định của Hợp đồng
 2. Hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Bên B trong việc giao hàng.

3. Được hưởng các chính sách giá thấp vào từng thời điểm Bên B công bố.
4. Được hưởng các ưu đãi bán hàng (nếu có).

B. Trách nhiệm và Quyền lợi của Bên B

1. Giao hàng theo đúng số lượng, chất lượng, quy cách, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ hoặc những yêu cầu về mặt kỹ thuật của hàng hóa và đúng thời hạn theo yêu cầu đặt hàng của Bên A.
2. Cung cấp những giấy tờ cần thiết liên quan đến hàng hóa khi có yêu cầu của Bên A như Chứng nhận nguồn gốc, xuất xứ, chất lượng, chủng loại, hạn sử dụng... và hoàn thành một số yêu cầu khác theo yêu cầu của Bên A để đảm bảo Hàng hóa của Bên B cung cấp đạt chất lượng.
3. Được thanh toán tiền hàng theo Điều 3 của hợp đồng này.
4. Tự chịu trách nhiệm về chất lượng và nguồn gốc hàng hóa trong quá trình lưu thông và vận chuyển đến Bên A.
5. Chịu sự kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về chất lượng hàng hóa cung cấp, cơ sở sản xuất theo yêu cầu của Bên A hoặc do Bên A ủy quyền. Chịu trách nhiệm về mọi chi phí và nghĩa vụ phát sinh do chất lượng hàng hóa gây ra đối với Bên A và khách hàng của Bên A (Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nguyên nhân từ hàng hóa của Bên B gây ra).

ĐIỀU 5: PHẠT HỢP ĐỒNG VÀ BÒI THƯỜNG THIẾT HẠI

- A. Nếu xảy ra ngộ độc thực phẩm nguyên nhân được xác định do thực phẩm của Bên B gây ra, thì Bên B phải chi trả mọi chi phí phát sinh cho Bên A hoặc khách hàng của Bên A như: Tiền viện phí, xét nghiệm, tiền phạt....(Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nguyên nhân từ hàng hóa của Bên B gây ra).
- B. Trong trường hợp có bất cứ sự không phù hợp nào về số lượng, chất lượng, thời gian giao hàng, quy cách, chủng loại, nguồn gốc xuất xứ hoặc những yêu cầu về mặt kỹ thuật khác của Hàng hóa, Bên A được quyền xử lý như sau:

1. Đồng ý nhận Hàng hóa và thay đổi tổng giá trị Hàng hóa phù hợp với Hàng hóa thực nhận;
2. Yêu cầu Bên B bổ sung số lượng Hàng hóa không phù hợp, thiếu; Thu hồi và đổi các Hàng hóa không đạt chất lượng, quy cách;

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

- A. Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến hết ngày 05/3/2026.
- B. Vào ngày hết hạn nói trên, nếu hai bên không có yêu cầu và điều chỉnh bằng văn bản thì Hợp đồng này mặc nhiên được gia hạn thêm 12 tháng tiếp theo.
- C. Các tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu không thương lượng được sẽ do Tòa án nhân dân có thẩm quyền phán quyết. Quyết định của Tòa án là quyết định cuối cùng. Chi phí liên quan đến tố tụng của các bên sẽ do bên thua kiện chi trả.
- D. Hợp đồng được lập thành 02 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, Hợp đồng tự động thanh lý khi hết hạn và hai bên thực hiện xong nghĩa vụ của mình./.



ĐẠI DIỆN BÊN A

GIÁM ĐỐC

Cao Việt Anh

3



ĐẠI DIỆN BÊN B

GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Hiệp

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0700560649

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 11 năm 2011

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 31 tháng 07 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG VU FOOD COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY LƯƠNG THỰC LONG VŨ

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thôn Thọ Lương, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Điện thoại: 02263861154/ 0974871515/

Fax: 02263861154

0977193860

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ 30.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba mươi tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: ĐẶNG VĂN HIỆP

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/02/1964

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035064002245

Ngày cấp: 08/10/2018

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thọ Lương, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thọ Lương, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **ĐẶNG VĂN HIỆP**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch kiêm Giám đốc**

Sinh ngày: **22/02/1964** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy chứng thực cá nhân: **035064002245**

Ngày cấp: **08/10/2018**

Nơi cấp: **Cục CS ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư**

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Thôn Thọ Lương, Thị Trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**

Chỗ ở hiện tại: **Thôn Thọ Lương, Thị Trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam**

TRƯỞNG PHÒNG,



Phạm Thị Thu Hà

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

CƠ SỞ ĐỦ ĐIỀU KIỆN AN TOÀN THỰC PHẨM

CERTIFICATE

OR COMPLIANCE WITH FOOD SAFETY REGULATIONS

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH HÀ NAM

DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF HA NAM PROVINCE

CHỨNG NHẬN/ CERTIFICATE

Cơ sở/Establishment: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Mã số đăng ký kinh doanh/Registration number: 0700560649

Địa chỉ/Address: TDP Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Điện thoại/Tel: 0979650765 *Email:*

Đủ điều kiện an toàn thực phẩm để sản xuất, kinh doanh sản phẩm:

Has been found to be in compliance with food safety regulations for following products:

1. Kinh doanh: Gạo.

Số cấp/Number: 09/2025/SNN&MT-HNa
Có hiệu lực đến ngày 21 tháng 5 năm 2028
Valid until date 21 month 5 year 2028

Hà Nam/Ha Nam, ngày/day 21 tháng/month 5 năm/year 2025



KT GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Quốc Hưng/Truong Quoc Hung



CHỨNG NHẬN

Cấp cho

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Địa chỉ - Phạm vi hệ thống: Thôn Thọ Lương, Xã Bình Mỹ, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

EFC INTERNATIONAL CERTIFICATION & INSPECTION CORPORATION
chứng nhận Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn của
tổ chức nói trên được đánh giá và tìm thấy phù hợp với các yêu cầu của
tiêu chuẩn hệ thống quản lý sau đây:

Tiêu chuẩn

HACCP CODEX 2022

Phạm vi chứng nhận

Sấy khô, xay xát, chế biến,
đóng gói và kinh doanh gạo.

Ngày phê duyệt ban đầu: 22/05/2026

Chứng nhận dựa trên sự vận hành thoả mãn liên tục của Tổ chức. Giấy chứng nhận có
hiệu lực đến ngày: 21/05/2029.

Để kiểm tra hiệu lực của Giấy chứng nhận vui lòng liên hệ số (+84.28) 38.95.96.95
hoặc quét mã QR Code (Website: efc.vn) trên Giấy chứng nhận.

Số giấy chứng nhận: 7037533108409

Ngày cấp: 22/05/2026

Tem xác nhận hiệu lực giấy chứng nhận:

Chứng nhận năm đầu

Đánh giá giám sát lần 1

Đánh giá giám sát lần 2

Công ty CP Chứng nhận và
Giám định Quốc tế EFC



Nguyễn Thị Trà Mi



EFC INTERNATIONAL CERTIFICATION & INSPECTION CORPORATION
A67 Nguyen Trãi Street, Cau Ong Lanh Ward,
Ho Chi Minh City, Vietnam
Branch: No 24, Van Bao Street, Ngoc Ha Ward,
Ha Noi City, Vietnam
Tel: (+84.28) 38 95 96 95
Email: info@efcvietnam.com
www.efc.vn

**CÔNG TY TNHH
LƯƠNG THỰC LONG VŨ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC**

Hà nam ngày 05 tháng 05 năm 2025

GIẤY XÁC NHẬN TẬP HUẤN KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM

Số : 01/2025/XNKTATTP

Căn cứ Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện bảo đảm ATTP thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và PTNT:

Căn cứ Quyết định số 381/ QĐ-QLCL ngày 12/09/2014 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản về việc ban hành tài liệu tập huấn và bộ câu hỏi đánh giá kiến thức về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản:

Căn cứ kết quả kiểm tra kiến thức về an toàn thực phẩm của cán bộ , nhân viên trong công ty theo quy định tại Quyết Định số 381/QĐ-QLCL ngày 12/09/2014 của Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản.

CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Địa chỉ : TDP Thọ Lương, Thị trấn Bình Mỹ, Huyện Bình Lục , Tỉnh Hà Nam

Số ĐKKD:0700560649. Đăng ký thay đổi lần đầu ngày 18/11/2011, đăng ký thay đổi lần hai ngày 31/07/2020, nơi cấp : Phòng đăng ký Kinh Doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0979650765

Xác nhận các ông /bà theo danh sách tại phụ lục kèm theo đã được tập huấn kiến thức về an toàn thực phẩm theo quy định hiện hành, kết quả 100% đạt tại buổi kiểm tra ngày.

Giấy xác nhận này có giá trị trong thời hạn 3 năm kể từ ngày ký.

Hà Nam ngày 05 tháng 05 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Dặng Văn Hiệp



PHỤ LỤC: DANH SÁCH CÁN BỘ, NHÂN VIÊN THAM GIA KIỂM TRA KIẾN THỨC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM
(Kèm theo Văn bản số 01./2025/XNKTATTP ngày 05/5/2025)

STT	Họ và tên	Nam	Nữ	Ngày sinh	Số CCCD/CMND	Ngày, tháng, năm cấp CCCD/CMND	Nơi cấp CCCD/CMND
	Đặng Văn Hiệp	x		22/02/1964	035064002245	22/12/2021	Cục Cảnh sát ĐKDC
2	Lê Thị Thuận		x	08/4/1973	035173002379	12/01/2022	Cục Cảnh sát ĐKDC
3	Đặng Thị Dung		x	08/6/1966	035166006003	22/12/2021	Cục Cảnh sát ĐKDC
4	Nguyễn Trung Kiên	x		01/6/1981	035081004140	27/7/2020	Cục Cảnh sát ĐKDC
5	Đặng Thị Hương		x	23/02/1998	035198002389	26/01/2022	Cục Cảnh sát ĐKDC
6	Vũ Thị Hoài		x	11/9/1981	036181008188	02/12/2022	Cục Cảnh sát ĐKDC
7	Nguyễn Văn Hòa	x		01/01/1972	035072002070	17/9/2021	Cục Cảnh sát ĐKDC
8	Nguyễn Thị Minh		x	05/02/1971	035171011001	01/9/2021	Cục Cảnh sát ĐKDC
9	Đặng Tuấn Anh	x		13/02/1996	035096001675	02/4/2021	Cục Cảnh sát ĐKDC
10	Nguyễn Thị Hồng Nhung		x	06/6/1997	027197005156	07/9/2022	Cục Cảnh sát ĐKDC

Số: ...24.../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐẶNG VĂN HIỆP
Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Ngày sinh: 22/02/1964
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 035.064.00.2245
Cấp ngày: 22/12/2021 Tại: CTCCS QLHC Vẽ TT.XH
Chỗ ở hiện tại:
Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng và thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam, ngày 14 tháng 5 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Văn Hiệp

I. KHÁM THỂ LỰC

- Chiều cao: 155 cm; - Cân nặng: 70 kg; - Chỉ số BMI: 29,1
 - Mạch: 80 lần/phút; - Huyết áp: 137/78 mmHg
 Phân loại thể lực: I

II. KHÁM LÂM SÀNG

Nội dung khám		Họ tên và chữ ký của Bác sỹ chuyên khoa
1. Nội khoa:		
a) Tuần hoàn	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
b) Hô hấp		
Phân loại		
c) Tiêu hóa	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
d) Thận-Tiết niệu	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
d) Nội tiết		
Phân loại		
e) Cơ - xương - khớp	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
g) Thần kinh	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
h) Tâm thần	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
2. Ngoại khoa, Da liễu:		
a) Ngoại khoa	/	BS. Trần Hữu Nghị
Phân loại		
b) Da liễu	/	BS. Tống Thị Hồng Trang
Phân loại		
3. Sản phụ khoa:		
Các bệnh về sản phụ khoa (nếu có):		
Phân loại:		
4. Mắt:		
Kết quả khám thị lực: Không kính: Mắt phải 10/10, Mắt trái 10/10 Có kính: Mắt phải, Mắt trái		BS. Nguyễn Văn Tiến
Các bệnh về mắt (nếu có):		
Phân loại: I		
5. Tai - Mũi - Họng:		
Kết quả khám thính lực:		BS. Đỗ Thị Nụ
Tai trái: Nói thường 1/5 m; Nói thầm 10,5 m		
Tai phải: Nói thường 1/5 m; Nói thầm 10,5 m		
Các bệnh về tai mũi họng (nếu có):		
Phân loại: I		



6. Răng - Hàm - Mặt	
Kết quả khám: Hàm trên:.....	 BSCKL. Bùi Thị Minh Hương
Hàm dưới:.....	
Các bệnh về răng hàm mặt (nếu có):	
Phân loại	

III. KHÁM CẬN LÂM SÀNG

Nội dung khám	Họ tên, chữ ký của Bác sỹ
1. Xét nghiệm máu: a) Công thức máu: Số lượng HC: Số lượng Bạch cầu: Số lượng tiểu cầu: b) Sinh hóa máu: Đường máu: Urê: Creatinin: ASAT (GOT): ALAT (GPT):	 CN. Hoàng Thị Hương
2. Xét nghiệm nước tiểu: a) Đường: b) Protein: c) Khác (nếu có):	
3. Chẩn đoán hình ảnh (XQ tim phổi thẳng):	

IV. KẾT LUẬN

1. Phân loại sức khỏe:.....

2. Các bệnh, tật (nếu có):

Hà Nội, ngày 14 tháng 05 năm 2025



BS. Phạm Thị Thu Hằng

Số: 25...../GKSK-TAV

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): LÊ THỊ THUẬN

Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: 08/04/1973

Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 035173002379

Cấp ngày: 12/01/2022 Tại: CTCCS QLHT về TT.XH.

Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☒ Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Thuận

Lê Thị Thuận

Số: 31...../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐẶNG THỊ HƯỜNG
Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: 23/02/1998
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 0351 98 0023 89
Cấp ngày: 26/01/2022 Tại: CTCCS QLHC Về TT.XH
Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày 14 tháng 05 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Đặng Thị Hường

Số: ...32...../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): ...NGUYỄN...THỊ...HỒNG...NHUNG...
Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: ...06/06/1997...
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : ...0271.9700.51.36...
Cấp ngày...07/09/2022... Tại...CT.CCS QLHC Vẽ TT.XH...
Chỗ ở hiện tại:.....
Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày ...14... tháng ...05... năm ...2025...

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Thị Hồng Nhung

Số: ...33.../GSKS-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐẶNG TUẤN ANH
Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Ngày sinh: 13/12/1996
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD: 0350 96 00 1675
Cấp ngày: 02/04/2021 Tại: CT.CCS QLHC về TTXH
Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ : Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày 14 tháng 05 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Tuấn Anh

Đặng Tuấn Anh

Số: ...30...../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): VŨ THI HOÀI
Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: 11/09/1981
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 0361.81.002.188
Cấp ngày: 02/12/2022 Tại: CTCCS QLHC Vĩ TT.XH.
Chỗ ở hiện tại:
Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ **Có** ☒ Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính giác	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày 14 tháng 5 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Hoàng
Vũ Thị Hoài

Số: 29...../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN TRUNG KIÊN
Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Ngày sinh: 14/07/1997
Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/định danh CD: 035097001196
Cấp ngày: 09/09/2022 Tại: CTCCS QLHC Vẽ TTXH
Chỗ ở hiện tại:.....
Lý do khám sức khỏe:.....

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☒ b) Có ☐; Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:.....

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☒	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☒
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☒	13	Bệnh tâm thần	☐	☒
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☒	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☒
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☒	15	Ngất, chóng mặt	☐	☒
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☒	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☒
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☒	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☒
7	Tăng huyết áp	☐	☒	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☒
8	Khó thở	☐	☒	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☒
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☒	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☒
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☒	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☒
11	Nghiện rượu, bia	☐	☒	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☒

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày 14 tháng 05 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Trung Kiên

Số: ...28...../GKSK-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN VĂN HOA
Giới tính: Nam ☒ Nữ ☐ Ngày sinh: 01/01/1972
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 035072002070
Cấp ngày: 17/09/2021 Tại: CTCCS QLHC VỆ TTXH
Chỗ ở hiện tại:

Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☐ : Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam ngày 14 tháng 05 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Nguyễn Văn Hoa

Số: 26...../GKSK-TAV

GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): ĐẶNG THỊ DUNG
Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: 08/06/1966
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 035116006003
Cấp ngày: 22/12/2021 Tại: CCCS QLHT về TTXH
Chỗ ở hiện tại:
Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☒ Nếu có, đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thính bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngưng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam, ngày 14 tháng 05 năm 2025
Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Dung
Đặng Thị Dung

Số: 27/GSKS-TAV



GIẤY KHÁM SỨC KHỎE

Họ và tên (viết chữ in hoa): NGUYỄN THỊ MINH
Giới tính: Nam ☐ Nữ ☒ Ngày sinh: 05/02/1971
Số CMND/CCCD /Hộ chiếu/định danh CD : 035171011001
Cấp ngày: 01/09/2021 Tại: CTCCS QLHC Vẽ TTXH
Chợ ở hiện tại:
Lý do khám sức khỏe:

TIỀN SỬ BỆNH CỦA ĐỐI TƯỢNG KHÁM SỨC KHỎE

Có ai trong gia đình ông (bà) mắc một trong các bệnh: truyền nhiễm, tim mạch, đái tháo đường, lao, hen phế quản, ung thư, động kinh, rối loạn tâm thần, bệnh khác:

a) Không ☐ b) Có ☒ Nếu "có", đề nghị ghi cụ thể tên bệnh:

2. Tiền sử bản thân: Ông (bà) đã/đang mắc bệnh, tình trạng bệnh nào sau đây không:

TT	Tên bệnh, tật	Có	Không	TT	Tên bệnh, tật	Có	Không
1	Có bệnh hay bị thương trong 5 năm qua	☐	☐	12	Đái tháo đường hoặc kiểm soát tăng đường huyết	☐	☐
2	Có bệnh thần kinh hay bị thương ở đầu	☐	☐	13	Bệnh tâm thần	☐	☐
3	Bệnh mắt hoặc giảm thị lực (trừ trường hợp đeo kính thuốc)	☐	☐	14	Mất ý thức, rối loạn ý thức	☐	☐
4	Bệnh ở tai, giảm sức nghe hoặc thăng bằng	☐	☐	15	Ngất, chóng mặt	☐	☐
5	Bệnh ở tim, hoặc nhồi máu cơ tim, các bệnh tim mạch khác	☐	☐	16	Bệnh tiêu hóa	☐	☐
6	Phẫu thuật can thiệp tim - mạch (thay van, bắc cầu nối, tạo hình mạch, máy tạo nhịp, đặt stent mạch, ghép tim)	☐	☐	17	Rối loạn giấc ngủ, ngừng thở khi ngủ, ngủ rũ ban ngày, ngáy to	☐	☐
7	Tăng huyết áp	☐	☐	18	Tai biến mạch máu não hoặc liệt	☐	☐
8	Khó thở	☐	☐	19	Bệnh hoặc tổn thương cột sống	☐	☐
9	Bệnh phổi, hen, khí phế thũng, viêm phế quản mạn tính	☐	☐	20	Sử dụng rượu thường xuyên, liên tục	☐	☐
10	Bệnh thận, lọc máu	☐	☐	21	Sử dụng ma túy và chất gây nghiện	☐	☐
11	Nghiện rượu, bia	☐	☐	22	Bệnh khác (ghi rõ)	☐	☐

3. Câu hỏi khác (nếu có):

a) Ông (bà) có đang điều trị bệnh gì không? Nếu có, xin hãy liệt kê các thuốc đang dùng và liều lượng:

b) Tiền sử thai sản (Đối với phụ nữ):

Tôi xin cam đoan những điều khai trên đây hoàn toàn đúng với sự thật theo sự hiểu biết của tôi.

Hà Nam, ngày 14 tháng 05 năm 2025

Người đề nghị khám sức khỏe
(Ký và ghi rõ họ, tên)

Minh
Nguyễn Thị Minh

Địa chỉ: Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.386.1154/ 0974.871.515/ 0977.193.860 -- Fax: 0226.386.1154

Email:

HỒ SƠ

TỰ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG

- Sản phẩm tự công bố: **Gạo Tẻ**
- Số tự công bố: **01/CTLTLV/2025**

Bình Mỹ, năm 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:01/CTLTLV/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH Lương Thực Long Vũ

Địa chỉ: Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.386.1154/ 0974.871.515/ 0977.193.860 -- Fax: 0226.386.1154

Email:

Mã số doanh nghiệp: 0700560649

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất: 09/2025/SNN&MT-Hna

Cấp ngày: 21 tháng 05 năm 2025

Nơi cấp: Sở Nông Nghiệp Và Môi Trường tỉnh Hà Nam

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Gạo Tẻ

2. Thành phần: 100% Gạo tẻ

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói:

+ Sản phẩm được đóng gói theo các quy cách tiêu chuẩn: 500g, 1kg, 2kg, 5kg, 10kg, 15kg, 20kg, hoặc theo yêu cầu của khách hàng, đảm bảo đáp ứng các điều kiện bảo quản và vận chuyển phù hợp.

- Bao bì:

+ Sản phẩm được đóng gói trong bao bì làm từ các chất liệu an toàn như PE, PA/PE, OPP/PE, PP, tuân thủ theo QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu nhựa tổng hợp dùng trong thực phẩm.

+ Tất cả các loại bao bì sử dụng đều đáp ứng các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, không thôi nhiễm các chất độc hại vào sản phẩm trong suốt quá trình bảo quản và sử dụng, phù hợp với quy định của Bộ Y tế về bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Lương Thực Long Vũ, Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

III. Mẫu nhãn sản phẩm (mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

Tuân thủ theo yêu cầu tại:

- Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP, ngày 14/4/2017.

- Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 của Chính phủ về Nhãn hàng hóa.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.1 Yêu cầu chất lượng: Phù hợp theo TCVN 11888:2017 - Gạo trắng

Yêu cầu chất lượng đối với Gạo Tẻ được quy định trong Bảng 1.

Bảng 1 – Yêu cầu chất lượng

Tên chỉ tiêu	Mức
1. Độ ẩm, % khối lượng, không lớn hơn	14
2. Tỷ lệ tấm, % khối lượng, không lớn hơn	17
3. Tạp chất, % khối lượng, không lớn hơn	0,5

4.2 Yêu cầu về an toàn thực phẩm

4.2.1 Giới hạn kim loại nặng: Phù hợp theo QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Gạo Tẻ phải tuân thủ các giới hạn kim loại nặng quy định trong Bảng 2.

Bảng 2 – Giới hạn kim loại nặng

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1. Cadimi, mg/kg	0,4
2. Chì, mg/kg	0,2

4.2.2 Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm: QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm và TCVN 11888:2017 - Gạo trắng

Gạo Tẻ phải tuân thủ các giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm quy định trong Bảng 3.

Bảng 3 – Giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1. Aflatoxin B1, µg/kg	5
2. Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)/ Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2), µg/kg	10
3. Ochratoxin A, µg/kg	3

4.3 Yêu cầu về chỉ tiêu dinh dưỡng

Yêu cầu dinh dưỡng đối với Gạo Tẻ được quy định trong Bảng 4.

Bảng 4 – Yêu cầu dinh dưỡng

Tên chỉ tiêu	Mức tối đa
1. Năng lượng, Kcal	354
2. Chất đạm, %	7,2
3. Carbohydrate, %	78,7
4. Chất béo, %	1,1
5. Sodium, mg/100g	4,05

Công ty TNHH Lương Thực Long Vũ sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- 1) TCVN 11888:2017 - Gạo trắng
- 2) QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- 3) QCVN 8-2:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- 4) QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vật liệu nhựa tổng hợp dùng trong thực phẩm
- 5) TCCS 01:2025/CTLTLV – Gạo tẻ.

- Và các quy định pháp luật hiện hành về ATTP đối với sản phẩm;

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.



Đặng Văn Hiệp

Mẫu nhãn dự kiến

Tên sản phẩm: Gạo Tẻ

Thành phần: 100% Gạo tẻ

Hướng dẫn sử dụng:

- Vo gạo từ 1 - 2 lần với nước sạch.
- Cho gạo vào nồi với tỷ lệ nước phù hợp (1 bát gạo : 1,2 – 1,3 bát nước), hoặc điều chỉnh lượng nước theo khẩu vị
- Đậy nắp nồi, bật chế độ nấu và chờ đến khi cơm chín.
- Dùng cơm ngon hơn khi còn nóng.

Hướng dẫn bảo quản:

- Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.
- Đóng kín bao bì sau khi mở để tránh gạo bị ẩm hoặc mối mọt.

Thông tin cảnh báo:

- Không sử dụng sản phẩm khi có dấu hiệu ẩm mốc, mùi lạ, hoặc có sự xâm nhập của côn trùng.
- Đối với người dị ứng với các sản phẩm từ gạo, cần kiểm tra trước khi sử dụng.

Ngày sản xuất: xem trên bao bì

Hạn sử dụng: 12 tháng kể từ ngày sản xuất

Khối lượng tịnh:.....g

Xuất xứ Việt Nam

Sản phẩm của: Công ty TNHH Lương Thực Long Vũ

Địa chỉ: Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 0226.386.1154/ 0974.871.515/ 0977.193.860 -- Fax: 0226.386.1154



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số /No.: 250221.02.01

Tên khách hàng/ Client's name : CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ
Địa chỉ/ Address : Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Thông tin mẫu/ Name of sample : GẠO TÈ
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt : 21/02/2025
Ngày phân tích/ Date of analysis : 21/02/2025
commencement Ngày trả kết quả/ : 28/02/2025
Date of Issue

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM/ TEST RESULTS

Stt/ No	Chỉ tiêu/ Parameter	Đơn vị tính/ Unit	Kết quả/ Result	LOD	Phương pháp/ Method
1.	Lead/ Chì (Pb)	mg/kg	KPH	0.05	CFT-WI03-11 (**)(2)
2.	Cadmium/ Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	0.005	CFT-WI03-06 (**)(2)
3.	Protein/ Đạm	%	7.2	-	CFT-WI02-11 (**)(2)
4.	Moisture/ Độ ẩm	%	12.0	-	CFT-WI02-01 (**)(2)
5.	Carbohydrate	%	78.7	-	CFT-WI02-10 (**)(2)
6.	Lipid/ Chất béo	%	1.1	-	CFT-WI02-06 (**)(2)
7.	Calories/ Năng lượng	kcal/100g	354	-	CFT-WI02-43 (**)(2)
8.	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	1.0	CFT-WI05-01 (**)(2)
9.	Total Aflatoxin (B1, B2, G1, G2)/ Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	KPH	4.0	CFT-WI05-01 (**)(2)
10.	Ochratoxin A	µg/kg	KPH	1.0	CFT-WI05-06 (**)(2)
11.	Sodium/ Natri (Na)	mg/100g	4.05	-	WRT/TM/ EN/01.02:2019 (Ref: AOAC 969.23) (**)
12.	Tỉ lệ tấm	%	14.6	-	TCVN 11888:2017 (**)
13.	Tạp chất	%	KPH	-	CFT-WI02-179 (**)(2)



BÁO CÁO KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số /No.: 250221.02.01

Tên khách hàng/ Client's name : CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ
Địa chỉ/ Address : Thôn Thọ Lương, thị trấn Bình Mỹ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam
Thông tin mẫu/ Name of sample : GẠO TẼ
Mô tả mẫu/ Sample description : Mẫu chứa trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu/ Date of sample receipt : 21/02/2025
Ngày phân tích/ Date of analysis : 21/02/2025
commencement Ngày trả kết quả/ : 28/02/2025
Date of Issue

Phòng kiểm nghiệm/ Laboratory

Nguyễn Hồng Nhung



Giám đốc/ Director

Trần Như Ý



Ghi chú/ Notes:

KPH; <10; <3; <1: Không phát hiện/ Not detected.

(*) Phương pháp được công nhận theo TCVN ISO/IEC 17025:2017/ Method is accredited by TCVN ISO / IEC 17025: 2017.

(**) Chỉ tiêu được thử nghiệm bởi dịch vụ bên ngoài/ Parameter is tested by external service.

(1) Địa điểm thực hiện phân tích mẫu tại Trung tâm kiểm nghiệm FAO Hà Nội: Location of analysis at the Hanoi FAO Testing Center

(2) Địa điểm thực hiện phân tích mẫu tại Trung tâm kiểm nghiệm FAO Cần Thơ: Location of analysis at the CanTho FAO Testing Center

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử. Phòng thí nghiệm sẽ cung cấp độ đo không đảm bảo với từng chỉ tiêu khi khách hàng yêu cầu/ This result is valid only on the test sample. The laboratory will provide measurement uncertainty with each specification as customer's request.

-Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ Name of sample and Client's name are written as client's request.

-Không được sao chép một phần hay toàn bộ báo cáo kết quả thử nghiệm này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần

Chứng nhận và Kiểm nghiệm FAO / Do not copy each separate or full part of the test report without the written approval of the Board of Directors of FAO.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ LÚA VỤ ĐÔNG XUÂN 2025

Số: .05..../ 25 /HĐSXTT

Căn cứ:

- Bộ luật dân sự năm 2005;
- Nhu cầu của các bên liên quan trong hợp đồng.

Hôm nay, ngày .01 tháng .01 năm 2025 tại Công ty TNHH Lương thực Long Vũ, hai bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LƯƠNG THỰC LONG VŨ

Địa chỉ : Thôn Thọ Lương – xã Bình Mỹ - tỉnh Ninh Bình

Điện thoại : 0866.41.2228

Mã số thuế : 0700560649

Tài khoản : 024858450001 - Tại NH Lộc Phát CN Bình Mỹ

Do ông/bà : Đặng Văn Hiệp

Chức vụ : Giám đốc

BÊN B : ...HTX DV NN ĐÔNG XÁ.....

Địa chỉ : ...Xã Bình Mỹ - Tỉnh Ninh Bình.....

Điện thoại : ...098.878.2767.....

Đại diện bởi : ...Nguyễn Thế Trường.....

Chức vụ : ...Giám đốc HTX.....

Mã số thuế : ...0700762217.....

Tài khoản số : ...290.220.1500.256 - Agribank.....

Sau khi bàn bạc trao đổi thống nhất, hai bên nhất trí ký Hợp đồng như sau:

Điều 1. Nội dung chính

1. Bên B đồng ý Hợp đồng sản xuất và bán (tiêu thụ) Lúa Bắc Thơm số 7 cho bên A:

- Thời gian sản xuất : từ ngày 20/1/2025 đến ngày 15/06/2025.

- Diện tích : ...150.... ha.



- Sản lượng dự kiến: 1.100 tấn.
- Địa điểm: Xã Đồn Xá – Huyện Bình Lục – Tỉnh Hà Nam

4. Bên B bán lúa ..~~1.100~~... hàng hóa cho bên A:

- Số lượng tạm tính: 1.100 tấn.
- Với quy cách, chất lượng, phương thức kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm lúa BT số 7 do hai bên đã thỏa thuận được ghi ở Điều 3 dưới đây và với số lượng thực tế khi thu hoạch.

Điều 2. Thời gian, địa điểm giao nhận và bốc xếp

1. Thời gian giao hàng: Ngay sau Khi thu hoạch. Số lượng hàng hóa HTX chủ động giao cho bên A là từ 20T- 120T trong ngày
2. Địa điểm giao, nhận hàng: Tại địa điểm tập kết thóc tươi.
3. Bốc xếp, vận chuyển, giao nhận: Do A chủ động sắp xếp Xe từ địa điểm tập kết thóc tươi lên xe.

Điều 3. Giá cả và phương thức thanh toán, địa điểm giao hàng

1. Giống và vật tư nông nghiệp (*áp dụng cho trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B*):

- Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản
- Thời hạn thanh toán: ..:
- + Bên A đặt cọc trước cho bên B từ 5 – 10% giá trị lượng hàng định thu mua
- + Sau khi kết thúc mùa gặt 10 ngày bên A sẽ thanh toán hết số tiền còn lại cho bên B

2. Sản phẩm hàng hóa

- Tiêu chuẩn:

- + Bên B đảm bảo lúa chín già cho bên A thì mới thu hoạch. Trong quá trình gieo cấy bên B không được dặm giống lúa khác vào giống Bắc thơm 7
- + Bên B chỉ gặt lúa vào ngày nắng không gặt ngày mưa, gặt sau 9h sáng và kết thúc trước 18h chiều trong ngày.

- Giá nông sản dự kiến : Giá lúa sản thống nhất ~~5.500~~ đồng/kg lúa tươi và có thể biến động lên xuống theo tình hình thị trường: Nếu như giá thị trường xuống thì giá thu mua sẽ giữ nguyên. Nếu lên không lên quá 500đ/kg.

- Phương thức và thời điểm thanh toán:

- + Thanh toán sau khi Bên B thu hoạch toàn bộ và giao cho bên A.
- + Phương thức TT: Tiền mặt hoặc Chuyển khoản

3. Địa điểm giao hàng : - Công ty TNHH Lương Thực Long Vũ

Điều 4. Trách nhiệm bên A

- Giới thiệu doanh nghiệp cung cấp vật tư nông nghiệp (*phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn*) cho bên B nếu bên B có nhu cầu.
- Đảm bảo giao giống đúng số lượng, chất lượng, chủng loại, qui cách và thời hạn đã cam kết (*đối với trường hợp bên A bán ghi nợ cho bên B giống phục vụ sản xuất*).
- Đảm bảo thu mua sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách - phẩm chất đã cam kết và số lượng thu hoạch thực tế.
- Phối hợp với bên B tổ chức các biện pháp thu mua phù hợp với thời gian thu hoạch của bên B và kế hoạch giao nhận của bên A (*căn cứ theo lịch điều phối của bên A*).
- Cung cấp bao bì đựng Lúa tươi thương phẩm cho bên B (*nếu có yêu cầu*) sau khi đạt được thỏa thuận mua bán giữa hai bên.

Điều 5. Trách nhiệm bên B

- Bên B phải tuân thủ các qui trình canh tác theo yêu cầu của bên A và phù hợp với khuyến cáo của ngành nông nghiệp.
- Giao, bán sản phẩm hàng hóa đúng theo qui cách về phẩm chất, số lượng (*theo thực tế thu hoạch*), đúng thời gian, địa điểm giao hàng đã được hai bên thống nhất.
- Cung cấp cho bên A các thông tin về quá trình canh tác, thời gian thu hoạch, địa điểm giao hàng v.v....
- Lập danh sách hộ nông dân tham gia liên kết sản xuất trong cánh đồng lớn (*có danh sách kèm theo hợp đồng*).

Điều 6. Xử lý vi phạm

1. Trường hợp bên A vi phạm Hợp đồng

Nếu bên A được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên A cho bên B.

2. Trường hợp bên B vi phạm Hợp đồng

Nếu bên B được xác định là không thực hiện đúng theo quy định của hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì phải ghi rõ trách nhiệm đền bù hợp đồng của bên B cho bên A.

Điều 7. Điều khoản chung

1. Trong trường hợp có phát sinh trong hợp đồng thì cả hai bên phải có trách nhiệm cùng nhau thống nhất giải quyết.



2. Hai bên cam kết cùng nhau thực hiện nghiêm chỉnh Hợp đồng đã ký, trong quá trình thực hiện có gì thay đổi, hai bên cùng bàn bạc thống nhất để bổ sung bằng văn bản hay phụ lục Hợp đồng. Nếu có trường hợp vi phạm Hợp đồng mà hai bên không thể thương lượng được thì các bên xem xét đưa ra toà án để giải quyết theo pháp luật.

Hợp đồng được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị ngang nhau.

Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký/

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Hiệp

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THẾ TRƯỜNG